

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 –
CÔNG TY CP**

Số: 0498 /TCT-QHCD
V/v: Công bố thông tin định kỳ
trên cổng thông tin điện tử của
UBCKNN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÖNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Văn Thanh

Địa chỉ: Số 19, Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0943415899 – 043.8350933

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2016 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

(Có chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Văn Thanh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 –
CÔNG TY CP

(Theo mẫu Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

HÀ NỘI, THÁNG 5 NĂM 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 –
CÔNG TY CP

(Theo mẫu Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

HÀ NỘI, THÁNG 5 NĂM 2017



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1
- CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
-----o0o-----

Số: 0497 /TCT-QHCD

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP

Năm báo cáo: 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**
- Địa chỉ trụ sở: Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0100104274 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 19/8/2014; Cấp sửa đổi lần thứ 4 ngày 24/6/2016.
- Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng (*Bảy trăm tỷ đồng*)
- Điện thoại: (043) 835 0930
- Fax: (043) 7721 232
- Website: www.cienco1.com
- Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty:
 - Trước khi thực hiện cổ phần hoá, Tổng công ty XDCTGT 1 là đơn vị kế thừa truyền thống của Ban chỉ đạo miền Tây được thành lập ngày 03/8/1964, sau đó (tháng 6/1966) được đổi tên thành Cục công trình II thuộc Bộ GTVT.
 - Thời kỳ 1975 – 1995 Cục công trình II được lần lượt đổi tên thành Xí nghiệp liên hiệp công trình II (1975 – 1982); Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông khu vực I (1983 – 1985); Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông 1 (1985 – 1990) trực thuộc Bộ GTVT.
 - Từ năm 1991 Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông 1 được đổi tên thành Tổng công ty XDCT1, năm 1995 Bộ GTVT ban hành quyết định thành lập Tổng công ty XDCTGT1 theo Quyết định số 90 của Thủ tướng Chính phủ.
 - Từ 01/7/2010 Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên trực thuộc Bộ GTVT và triển khai thực hiện công tác cổ phần hoá

theo chủ trương của Đảng và các Nghị quyết của Chính phủ.

- Ngày 29/4/2014, Tổng công ty XDCTGT1 tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Tổng công ty chuyển sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp – Là công ty đại chúng quy mô lớn.
- Ngày 31/12/2014, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn 35% còn lại của vốn nhà nước theo chỉ đạo của Bộ GTVT.
- Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty XDCTGT1 đã được Đảng, Nhà nước, Bộ GTVT và các ban ngành địa phương khen tặng nhiều danh hiệu cao quý cho các tập thể và cá nhân, trong đó điển hình là:
 - Huân chương độc lập hạng nhất cho tập thể TCT năm 1985 và 2011
 - Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể Tổng công ty năm 2004
 - Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho tập thể Tổng công ty năm 2004
 - Danh hiệu Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 07 đơn vị trực thuộc.

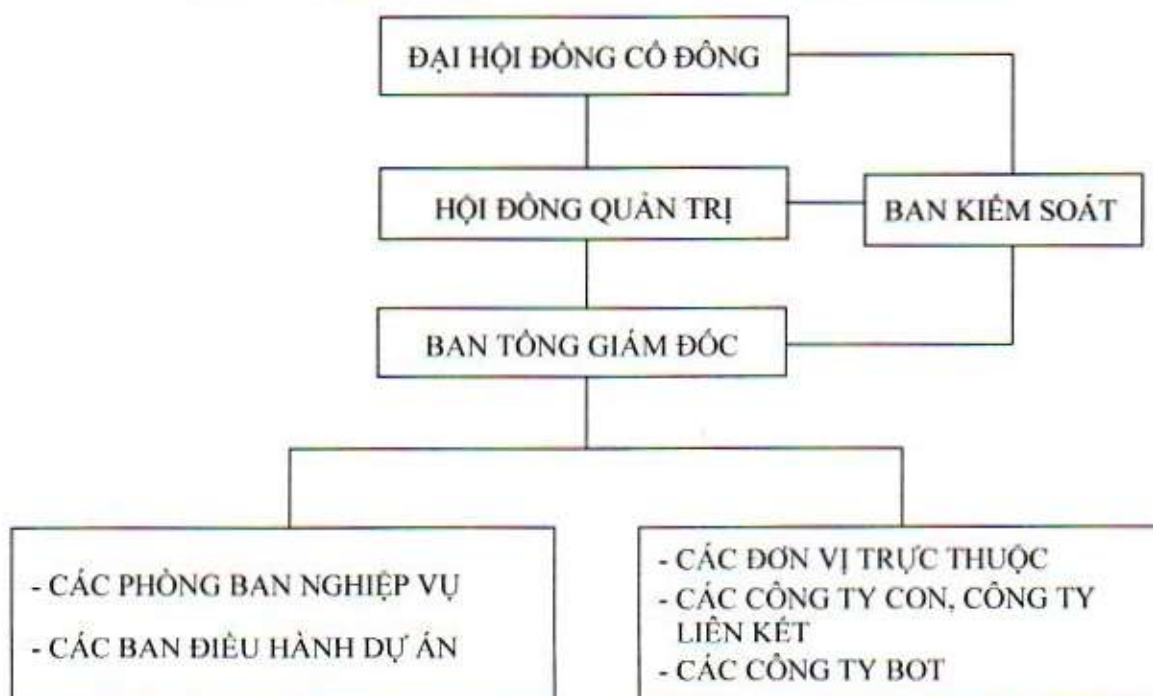
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình giao thông (Cầu, đường sắt, đường bộ, cảng, sân bay)
- Địa bàn hoạt động chủ yếu: Trong nước (Hà nội, Đà Nẵng, thành phố HCM...); Ngoài nước (Lào, Campuchia)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY XDCTGT1 – CÔNG TY CP





- + Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016: Ngày 14/6/2016
- + Hội đồng quản trị: Gồm 07 người
- + Ban kiểm soát: Gồm 03 người
- + Ban Tổng giám đốc: Gồm TGD và 05 Phó Tổng giám đốc
- + Các phòng nghiệp vụ: 08 (Văn phòng, TCCB-LĐ, TCKT, Kế hoạch, Thị Trường, Kỹ thuật VTTB, Quan hệ cổ đông, Pháp chế).
- + Các đơn vị trực thuộc gồm: 03 chi nhánh, 02 đơn vị thi công đường, 03 đơn vị thi công cầu.
- + Các công ty con: 02 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)
- + Các công ty liên kết: 13 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)
- + Công ty BOT có vốn góp TCT: 06 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)

3.2 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 tổ chức ngày 14/6/2016, đã bầu lại các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2014-2019 như sau:

- **Hội đồng quản trị gồm 07 người:**
 - + Ông Cấn Hồng Lai: Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Phạm Văn Diệt: Phó chủ tịch HĐQT
 - + Ông Nguyễn Ngọc Hoà: Ủy viên HĐQT
 - + Ông Đào Việt Tiến: Ủy viên HĐQT
 - + Ông Quách Bá Vương: Ủy viên HĐQT
 - + Ông Trần Đức Hòa: Ủy viên HĐQT
 - + Ông Vương Đức Thọ: Ủy viên HĐQT
- **Ban kiểm soát gồm 03 người:**
 - + Ông Lê Văn Long: Trưởng Ban kiểm soát
 - + Bà Trần Thị Thu Huyền: Kiểm soát viên
 - + Bà Đỗ Thuý Anh: Kiểm soát viên

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của TCT

- + Hoàn thiện hệ thống quy chế hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trong đó cơ quan điều hành TCT giữ vai trò hạt nhân về khoa học, công nghệ, thị trường, tài chính; Có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo; Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề; Thị trường xây dựng, đầu tư và thương hiệu hấp dẫn để mở rộng sản xuất kinh doanh; Có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với thế mạnh truyền thống của TCT để phát triển ổn định, vững chắc.
- + Xây dựng TCT thành doanh nghiệp mạnh hàng đầu của ngành GTVT về xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông quốc gia.



- + Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- + Chuyển đổi các đơn vị HTPT thành đơn vị kinh tế độc lập có sức cạnh tranh cao đi đôi với việc thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, không có hiệu quả.
- + Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- + Xây dựng và quảng cáo thương hiệu CIENCOI; Nâng cao khả năng cạnh tranh của TCT đối với thị trường trong nước và thị trường khu vực.

5. Các rủi ro

- Do ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới nên Việt nam cũng không tránh được ảnh hưởng, nền kinh tế tiếp tục còn khó khăn, nhà nước tiếp tục thắt chặt chi tiêu công, nguồn vốn đầu tư xã hội tiếp tục bị suy giảm trong khi cạnh tranh trong ngành XDDB ngày càng gay gắt.
- Biến động khó lường về thị trường vàng, tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu...trên thế giới.
- Tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết.
- Dòng tiền thanh toán từ các chủ đầu tư.
- Tình trạng chậm giải phóng mặt bằng ở các dự án

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016 – CÔNG TY MẸ

(Dvt: Tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016	Thực hiện	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Giá trị sản lượng	5.000	2.132	42,64%
2	Doanh thu	4.500	2.465	24,78%
3	Lợi nhuận trước thuế	88,35	75,62	85,59%
4	Lợi nhuận sau thuế	71,95	62,75	87,21%
5	Cổ tức	9%	5%	55,56%

Các công trình tiêu biểu hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2016:

- Gói thầu TN1 & TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình
- Gói thầu nút giao IC09 dự án cao tốc Nội Bài – Lào Cai



- Gói thầu XL02, XL03 dự án tuyến tránh Phú Lý
- Dự án xây dựng Cầu Ghềnh mới
- Nút giao Long Biên giai đoạn 1

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Ghi chú
			Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Đinh Văn Thanh	TGD	-	-	
2	Nguyễn Trường Long	PTGD	25.080	0,0358%	
3	Nguyễn Ngọc Hoà	PTGD, UVHĐQT	7.000	0,0100%	
4	Vương Đức Thọ	PTGD, UVHĐQT	5.600	0,0080%	
5	Nguyễn Duy Thắng	PTGD	6.600	0,0094%	
6	Đinh Ngọc Dân	PTGD	-	-	
7	Đào Việt Tiến	PTGD	101.500	0,1450%	
8	Võ Thành Công	Kế toán trưởng	46.700	0,0667%	
9	Lê Văn Dân	GD Công ty TCCGI	44.900	0,0641%	
10	Trần Trung Thành	GD XN Cầu 18	165.700	0,2367%	
11	Lê Huy Hùng	GD XN Cầu 17	50.500	0,0721%	
12	Đồng Xuân Trường	GD XN XDCT – Cienco I	61.900	0,0884%	
13	Trần Anh Dũng	GD Công ty XD 123	84.000	0,1200%	



14	Nguyễn Văn Hoàn	Hiệu Trưởng Trường TCN	8.000	0,0114%	
15	Đỗ Hoàng Lê	GD Cty CU'- LĐQT	15.700	0,0224%	
16	Huỳnh Quang Tuấn	GD Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	12.700	0,0181%	
17	Nguyễn Tiến Hùng	GD CN Tây Nguyên	16.300	0,0233%	
18	Đặng Hữu Sáng	GD CN Camphuchia	5.200	0,0074%	

2.2 Những thay đổi trong Ban TGD và cán bộ quản lý khác trong năm 2016

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lý do thay đổi
1	Đinh Văn Thanh	TGD	Bỏ nhiệm chức danh TGD theo QĐ số: 0159/QĐ-HDQT ngày 14/6/2016
2	Quách Bá Vương	TGD	Miễn nhiệm chức danh TGD theo NQ số: 0563/2016/NQ-HDQT ngày 14/6/2016

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong công ty mẹ, tóm tắt chính sách và thay đổi bổ sung chính sách đối với người lao động trong năm 2016.

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty mẹ (Thời điểm 31/12/2016)

TT	Mô tả	Số lượng (người)
1	Trình độ trên đại học và đại học	984
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	200
3	Công nhân kỹ thuật, nhân viên phục vụ	1.567
4	Lao động phổ thông	155
Tổng cộng		2.906

- Chính sách cơ bản đối với người lao động
- + Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- + Việc đãi ngộ cho người lao động: Người lao động được hưởng lương theo khả năng đáp ứng công việc được giao, không phụ thuộc vào thâm niên công tác. Đặc biệt có chính sách đãi ngộ khuyến khích đối với lao động có trình độ kỹ thuật cao, quản lý giỏi và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.
- + Sử dụng lao động: Thường xuyên luân chuyển cán bộ để hoàn thiện khả năng quản lý và trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh. Quy hoạch, bồi dưỡng lực lượng lao động trẻ có trình độ, phẩm chất đạo đức tốt trở thành lực lượng lao động chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

a. Các khoản đầu tư lớn

- Đầu tư vào các dự án BOT

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Tên dự án đầu tư	Vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ vốn góp	Thực tế đã góp
1	Dự án BOT đường tránh Thanh Hoá	44.538,39	15,365%	44.538,39
2	Dự án BOT cầu Cổ Chiên – Quốc lộ 60	49.400	26%	49.400
3	Dự án BOT cầu Việt Trì	53.000	20%	48.532,4
4	Dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ	148.172,58	18%	148.172,58
5	Dự án BOT tuyến tránh Phù Lý	92.250	25%	70.000
6	Dự án BOT cầu Bạch Đằng	85.500	10%	85.500
	Tổng cộng	472.860,97		446.163,37

- Đầu tư mua sắm máy móc – thiết bị năm 2016

(Đơn vị: đồng)

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Giá trị
1	Bộ máy khoan đập cấp CK 2500 (tời JK10) gắn động cơ điện 75kw-380V, do nhà máy Jeanshe như cao Trung Quốc sản xuất	4	1.051.600.000
2	Tháp khoan CK 2500 (đủ bộ) khung tháp, cột tháp, ống chống, bu ly, chốt ...	4	435.600.000



3	Choòng khoan 1460 mm nặng 5.5 tấn bằng thép hợp kim do TQ sản xuất	2	308.000.000
4	Choòng khoan 1960 mm nặng 7.8 tấn bằng thép hợp kim do TQ sản xuất	2	484.000.000
5	Đầu kéo choòng + lò xo	6	14.850.000
6	Răng gắn choòng cạnh - loại rèn	130	29.315.000
7	Răng gắn choòng giữa - loại rèn	122	26.169.000
8	Bộ kẹp đầu choòng khoan (gia công tại Việt Nam)	4	8.580.000
9	Bơm trục đứng 3PNL gắn động cơ điện 22kw-380V do nhà máy Quý Châu Trung Quốc sản xuất + đầu cong kèm theo	6	227.700.000
10	Tuy ô cao su Ø 76 (18m/1 cuộn)	11	33.880.000
11	Cáp lõi thép Ø 32 (6*36) LD Trung - Mỹ	800	156.640.000
12	Khóa cáp Ø 32 (loại thép đen)	80	12.320.000
13	Dải côn tời 160x12x800 (8m/cuộn) dùng cho tời JK10	4	24.200.000
14	Dải côn tời 160x8x800 (8m/cuộn) dùng cho tời JK11	2	9.900.000
Tổng cộng			2.822.754.000

- + Tổng cộng giá trị đầu tư: 2.822.754.000 đồng.
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư
- + Dự án BOT đường tránh Thanh Hoá: Đã hoàn thành, đang tiến hành thu phí
- + Dự án cầu Cổ Chiên: Đã hoàn thành đưa vào khai thác từ tháng 5/2015
- + Dự án BOT cầu Việt Trì: Đã hoàn thành đưa vào khai thác từ tháng 5/2015
- + Dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ: Đã hoàn thành đưa vào khai thác thu phí giai đoạn 1 từ tháng 6/2015, đang thi công giai đoạn 2
- + Dự án BOT tuyến tránh Phú Lý: Đã hoàn thành đưa vào khai thác thu phí từ tháng 6/2016.
- + Dự án BOT cầu Bạch Đằng: Đang triển khai thi công.

**b. Tình hình tài chính – hoạt động của các Công ty con.**

(Đơn vị tính: Đồng)

T T	Tên công ty	Doanh thu	Lợi nhuận	LNST/ TTS	LNST/ VCSH
1	Công ty CP Cầu 12 - Cienco1	970.216.976.789	14.446.967.103	1,51%	17,84%
2	Công ty CP CKXD 121 - Cienco1	50.306.985.835	(1.737.605.607)	(0,95%)	(14,53%)

4. Tình hình tài chính năm 2016**a. Tình hình tài chính: (Xem chi tiết ở biểu dưới đây)**

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	4.650.373.921.752	4.492.813.275.278	
Doanh thu thuần	5.788.650.855.837	3.431.847.083.732	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	119.534.377.445	55.179.721.482	
Lợi nhuận khác	(5.562.302.564)	19.736.303.041	
Lợi nhuận trước thuế	113.972.074.881	74.916.024.523	
Lợi nhuận sau thuế	88.694.040.909	56.843.086.045	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9%	5%	



b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: (Xem chi tiết ở biểu dưới đây)

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,12	1,08	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	0,82	0,81	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,82	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	4,52	4,47	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay HTK: Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	5,43	3,27	
+ Doanh thu thuần/Tổng TS	1,24	0,76	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/DTT	0,02	0,02	
+ Hệ số LNST/VCSH	0,11	0,07	
+ Hệ số LNST/Tổng TS	0,02	0,01	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 70.000.000 cổ phần, toàn bộ là cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do. Trong đó:



- Cổ phần của cổ đông là tổ chức: 61.124.780 cổ phần, chiếm tỷ lệ 87,3211% VDL.
Trong đó:
 - + Cổ phần của các cổ đông chiến lược: 20.003.534 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28,5765% VDL.
 - + Cổ phần của các cổ đông là tổ chức khác: 41.121.246 cổ phần, chiếm tỷ lệ 58,7446% VDL.
- Cổ phần của cổ đông là cá nhân: 8.875.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 12,6789% VDL.
Trong đó:
 - + Cổ phần của các cổ đông là CBCNV: 7.796.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,1375% VDL.
 - + Cổ phần của các cổ đông bên ngoài: 1.079.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,5414% VDL.

b. Cơ cấu cổ đông (Thời điểm 31/12/2016)

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ SH
I	Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu		
1	Cổ đông lớn (Trên 5%)	60.874.780	86,9640%
2	Cổ đông nhỏ	9.125.220	13,0360%
II	Cơ cấu theo cổ đông trong nước – cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	70.000.000	100%
III	Cơ cấu theo cổ đông tổ chức – cổ đông cá nhân		
1	Cổ đông tổ chức	61.124.780	87,3211%
2	Cổ đông cá nhân	8.875.220	12,6789%

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e. Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2016

1.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016	Thực hiện	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700.000	700.000	100%
2	Giá trị sản lượng	5.000.000	2.131.510,4	42,6%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	4.500.000	2.606.597,1	57,9%
4	Tổng chi phí	4.411.646	2.530.979,9	57,4%
5	Lợi nhuận trước thuế	88.353,6	75.617,2	85,6%
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.400,7	12.868,4	78,5%
7	Lợi nhuận sau thuế	71.952,9	62.748,7	87,2%
8	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	10,25%	8,96%	87,21%

1.2 Những mặt công tác chính thực hiện trong năm 2016

a. Các thuận lợi, khó khăn

Năm 2016 giá trị khối lượng các công trình chuyển tiếp từ năm 2015 sang là gần 3.000 tỷ đồng. Các công trình lớn gần như đã kết thúc, đã hoàn thành bàn giao nhiều công trình như: Gói thầu TN1&TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; Gói thầu Nút giao IC09 dự án cao tốc Nội Bài – Lào Cai, Gói thầu XL02, XL03 dự án tuyến tránh Phú Lý, dự án Xây dựng cầu Ghềnh mới; Nút giao Long Biên giai đoạn 1, ... và một số dự án khác mà các đơn vị thành viên làm chủ thể hợp đồng làm ảnh hưởng tới quỹ việc làm cho toàn Tổng công ty.

Nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2016 hạn hẹp, vốn vay ODA không nhiều, do vậy các dự án xây dựng công trình giao thông chủ yếu là các dự án theo hình thức BOT, PPP, BT. Ngay cả những hình thức đầu tư này năm nay cũng được Nhà nước quy định chặt chẽ hơn làm cho việc tham gia các dự án theo các hình thức nói trên gặp không ít khó khăn.

Nợ đọng tại một số dự án Chủ đầu tư chậm thanh toán, quyết toán, điều chỉnh giá, ... làm ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ thi công đã tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

Công tác giải phóng mặt bằng ở một số dự án còn gặp nhiều vướng mắc điển hình như: Dự án Đầu tư Xây dựng QL1A đoạn tránh thành phố Thanh Hóa, gói 16 dự án Pháp Vân, Gói số 1&7 - dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi,... gây ảnh

hưởng đến tiến độ và lãng phí cho việc huy động thiết bị và nhân lực. Những yếu tố này đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

b. Công tác kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng và An toàn lao động:

- Công tác kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng:
 - + Tiếp tục phát huy và áp dụng các công nghệ mới đã đạt được trong năm 2015 một cách có hiệu quả. Năm 2016 TCT đã nghiên cứu và áp dụng thành công công nghệ lao lắp dầm dàn thép có khẩu độ lớn bằng hệ nổi và thiết bị chuyên dụng tại cầu Ghềnh Đồng Nai được Bộ GTVT đánh giá cao.
 - + Xác định chất lượng công trình là sự sống còn của doanh nghiệp, ngay từ đầu năm TCT đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, thẩm tra rà soát biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo chất lượng và xử lý các vướng mắc về kỹ thuật ở tất cả các dự án mà TCT đảm nhận và các dự án mà các đơn vị làm chủ thể hợp đồng. Các vấn đề về kỹ thuật trên tất cả các dự án đều được giải quyết kịp thời đảm bảo mục tiêu: “Chất lượng – Tiến độ - An toàn – Hiệu quả”. Kết quả cho đến nay tất cả các công trình Cienco1 thi công được các Chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng cao.
- Công tác An toàn lao động:
 - + Công tác an toàn lao động trong sản xuất luôn được TCT và các đơn vị thi công đặc biệt chú trọng và chấp hành tốt. Toàn Tổng công ty, trong năm không xảy ra trường hợp nào mất an toàn trong thi công, không có tai nạn lao động nghiêm trọng. Cần tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được và tăng cường đôn đốc kiểm tra hơn nữa để ngăn chặn kịp thời các trường hợp gây nguy hiểm đến an toàn lao động.
 - + Bảo hộ lao động: 100% CNLD được cấp đầy đủ bảo hộ và phòng hộ lao động, được huấn luyện, học tập an toàn lao động. Mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên trên các công trường đều đã được kiện toàn, tất cả các công trường có đủ lực lượng an toàn viên và vệ sinh viên.
 - + Công tác vệ sinh công nghiệp: Hướng ứng tuân lễ về ATVSLĐ - PCCN, nghị quyết số 10/NQ ngày 8/4/2011 của Công đoàn GTVT Việt Nam về nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ, ban ATVSLĐ - PCCN phối hợp với các tổ chức đoàn thể phát động phong trào thi đua và ký giao ước đảm bảo ATVSLĐ - PCCN trên tất cả các công trường đang thi công.

c. Công tác thị trường:

- Năm 2016 toàn tổng công ty tham gia đấu thầu và đã trúng thầu 18 gói thầu với giá trị 3.189 tỷ đồng, trong đó: Cơ quan TCT: 2.455 tỷ đồng, các công ty con: 734 tỷ đồng. Một số gói thầu có giá trị lớn như: Cầu Hoàng Văn Thụ - Hải



Phòng, Gói 16 dự án Pháp Vân - Cầu Giẽ (giai đoạn 2), Cầu Cẩm Hải, cầu Mỏ Nhát, ...

- Đã ký hợp đồng nguyên tắc với CĐT được 2 gói thầu: Gói XL03 dự án nâng cấp mở rộng đôn tuyến QL60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên (110 tỷ đồng). Gói thầu RD2 xây dựng đường sau trạm thu phí thuộc dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến nối từ đường Võ Văn Kiệt đến đường cao tốc Hồ Chí Minh – Trung Lương.
- Đã báo cáo đầu tư được 8 dự án: Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái (BOT); Quốc lộ 62 (BOT); Dự án XD 02 nút giao giữa tuyến nối Tân Tạo - Chợ Đệm với tỉnh lộ 10B và đường Trần Đại Nghĩa (BOT); Dự án Chơn Thành - Đức Hòa (BOT); Hầm qua Sông Hàn (BT); Dự án cầu Phước An, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc lộ 21; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 4 thành phố HCM đoạn Bến Lức - Hiệp Phước (BOT).

d. Công tác tài chính, nghiệm thu thanh toán:

- Năm 2016 số lượng các dự án ký hợp đồng mới không nhiều và tập trung vào giai đoạn cuối năm nên vốn từ nguồn tạm ứng hợp đồng mới phục vụ thi công tại các dự án gặp nhiều khó khăn. Để giải quyết khó khăn trên Lãnh đạo TCT đã tích cực chỉ đạo công tác nghiệm thu thanh toán, thu tiền từ các dự án để có nguồn vốn đáp ứng kế hoạch sản xuất cho các đơn vị.
- Công tác nghiệm thu, thanh toán tại các dự án được triển khai tích cực, kịp thời: một số dự án thực hiện tốt như: gói EX1B – dự án cao tốc HN-HP, gói CP3B – dự án đường sắt, gói số 1 – dự án cao tốc ĐN-QN, cầu Vàm Cống. Các dự án đã hoàn thành tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh giá, quyết toán với chủ đầu tư để xác định công nợ và thanh toán tiền tạm giữ, tiền bảo hành công trình, giải tỏa bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

e. Công tác quản lý giá thành và quản lý thu tại các dự án:

- Quản lý giá thành: Các dự án của Tổng công ty trước khi giao, đã được lập giá thành kế hoạch và tổ chức thẩm định, nhằm đạt hiệu quả cao nhất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Đối với các dự án đơn vị tự tìm kiếm, Ban tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo mức thu phí theo quy định, đồng thời đảm bảo cho đơn vị không lỗ khi triển khai thực hiện, để thúc đẩy các đơn vị tích cực hơn trong công tác thị trường.
- Quản lý thu tại các dự án: Ban TGD thực hiện đầy đủ các quy định, của Hội đồng quản trị đối với các nội dung giao thi công dự án và tỷ lệ thu phí quản lý. Các dự án đều đảm bảo mức thu phí Quản lý của Tổng công ty từ 3% trở lên.

f. Công tác đánh giá tồn đọng vốn và thu hồi công nợ:



- Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị TCT, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ tiếp tục thống kê, xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ chotoàn bộ các dự án đã hoàn thành và các dự án đang triển khai.
- Tổng công ty đã thành lập và kiện toàn Ban thu hồi công nợ, trưởng ban là một Phó tổng giám đốc, phó ban thường trực là Kế toán trưởng. Ban đã tiến hành phân tích, rà soát đánh giá các khoản nợ phải thu đối với các Chủ đầu tư, bám sát diễn biến tình hình, chủ động và làm việc quyết liệt với Chủ đầu tư để ghi vốn và thanh, quyết toán các dự án. Qua đó đã giảm bớt được các khoản tồn đọng vốn đối với các dự án, điển hình như: cầu Đông Trù, Dự án Láng – Hòa Lạc, cầu Rông, cầu Trần Thị Lý, gói thầu PK1C – dự án QL3,...

g. Công tác tổ chức cán bộ, lao động

- Phối hợp lập hồ sơ bản giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần trình Bộ GTVT phê duyệt;
- Bổ nhiệm: 01 Tổng giám đốc; 01 trưởng phòng và 02 phó phòng chuyên môn nghiệp vụ của TCT, 01 PGĐ đơn vị hạch toán phụ thuộc. Chấp thuận bổ nhiệm 03 phó phòng của các đơn vị trực thuộc
- Ký kết 11 HĐLĐ, chấm dứt 31 HĐLĐ
- Điều động, sắp xếp, luân chuyển cán bộ từ các dự án đã kết thúc theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của TCT, điều động luân chuyển cán bộ ở các đơn vị trực thuộc và các đơn vị của TCT đến các dự án mà TCT đang triển khai thi công.
- Thành lập: 04 Ban điều hành dự án; 31 Hội đồng, Tổ, Ban phục vụ yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

h. Công tác đầu tư:

Năm 2016 Tổng công ty tiếp tục triển khai đầu tư một số dự án BOT và thiết bị để nâng cao sức cạnh tranh như:

- Đầu tư BOT: Tiếp tục đầu tư theo lộ trình các dự án: Cầu Cổ Chiên 26%; Cầu Việt Trì 20%; Đường Pháp Vân – Cầu Giẽ 18%; Tuyến tránh TP Phú Lý 25%. Tham gia đầu tư 10% với tổ hợp các nhà đầu tư cầu Bạch Đằng, Đường tránh Tây Thanh Hóa 15.35%.
- Đầu tư máy móc thiết bị và vật tư thi công: Lượng thiết bị và vật tư thi công hiện chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất nhưng do khó khăn về tài chính nên năm 2016 Tổng công ty mới chỉ đầu tư thêm 04 bộ thiết bị máy khoan đập cấp để phục vụ thi công cầu Cẩm Hải và cầu Mỏ Nhát.

i. Công tác quản lý vốn và quan hệ cổ đông:

- Công tác quản lý vốn:



- + Đến thời điểm 31/12/2016, TCT đã thực hiện thoái vốn 100% vốn góp tại 23 doanh nghiệp; Thoái bớt vốn góp tại (2) doanh nghiệp là Công ty CP DT&XD 125; Công ty CP Tư vấn Miền Trung.
 - Tổng giá trị thoái vốn theo mệnh giá là: 258.645.830.115 đồng.
 - Giá trị thu về là: 321.406.487.200 đồng.
- + Năm 2016 TCT đã thực hiện thoái vốn tại: Công ty CP 248; Trico; Công ty 134; Tư vấn ĐTXDCTGT1;
 - Giá trị mệnh giá gốc: 25,9 tỷ đồng;
 - Giá trị thu về là: 45,9 tỷ đồng.
- + Đến thời điểm 31/12/2016, Tổng giá trị góp vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp là: 573.269.067.250 đồng/ 21 doanh nghiệp, trong đó:
 - Công ty con: Tổng số vốn góp là 30.960.710.000 đồng, gồm 2 doanh nghiệp: Công ty CP Cầu 12 và Công ty CP CKXD 121.
 - Công ty liên kết: Tổng số vốn góp là 96.144.987.250 đồng, gồm 13 doanh nghiệp.
 - Công ty BOT: Tổng số vốn góp là 446.163.370.000 đồng, gồm 6 doanh nghiệp

k. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:

- Phong trào thi đua: Kết hợp với công đoàn, đoàn thanh niên Tổng công ty đã tổ chức các phong trào thi đua trên tất cả các lĩnh vực lao động sản xuất mà trọng tâm là phong trào thi đua Lao động giỏi, lao động sáng tạo. Thường xuyên tổ chức lễ ký kết giao ước thi đua, phát động thi đua trên các công trường dự án Cầu Ghềnh, cầu Vàm Cống, Cầu Bạch Đằng, cầu Sông Chanh, cầu sông Rút, dự án 883, gói thầu số 5 do Chi nhánh MN thi công...
- Công tác an sinh xã hội vì cộng đồng: Kết hợp với Công Đoàn TCT, Tổng công ty đã đã tham gia ủng hộ nhiều chương trình xã hội với tổng số tiền trên 500 triệu đồng (bê tông hóa đường giao thông nông thôn tại Xã Đồng Xuân – Thanh Ba – Phú Thọ và nhiều chương trình khác: chương trình Ngôi Nhà hạnh phúc cho Phường Thành Công; tặng xe đạp cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn ở huyện Mỹ Đức - Hà Tây trong chương trình Xe đạp đến trường cho trẻ em...

1.3 Đánh giá kết quả SXKD năm 2016

- Kết quả SXKD năm 2016 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 là chưa đạt yêu cầu trong đa phần các chỉ tiêu đặt ra. Nguyên nhân chính là quỹ công việc trong năm không nhiều dẫn tới không đạt được kế hoạch sản lượng đã đặt ra, đặc biệt là kế hoạch sản lượng cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc của TCT thực hiện.

- Tổ chức tốt công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ. Sử dụng hiệu quả dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Các dự án thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, mỹ quan và hiệu quả. Thương hiệu của Cienco1 được giữ vững.
- Thoái vốn ở các đơn vị có vốn góp đúng tiến độ, lộ trình mà Hội đồng quản trị đề ra, đồng thời bảo toàn và có lãi khi thoái vốn.

2. Kế hoạch SXKD năm 2017 và biện pháp thực hiện

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế, cùng với thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, Ban tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và các giải pháp thực hiện như sau:

2.1 Một số chỉ tiêu chủ yếu và các công tác trọng tâm:

a. Một số chỉ tiêu chính:

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị kế hoạch năm 2017
1	Vốn điều lệ	700.000
2	Giá trị sản lượng	3.000.000
3	Doanh thu	2.700.000
4	Tổng chi phí	2.619.000
5	Lợi nhuận trước thuế	81.000
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.200
7	Lợi nhuận sau thuế	64.800

b. Các công tác trọng tâm:

Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, các mặt công tác để đạt và vượt các chỉ tiêu của Đại Hội đồng cổ đông yêu cầu, chú trọng các mặt công tác sau:

- Tăng cường công tác thị trường, mở rộng phạm vi hoạt động trong và ngoài nước, nhằm tạo đủ quỹ công việc cho năm 2017 và các năm tiếp theo. Đẩy mạnh công tác đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, quản lý chặt chẽ các dự án đã đầu tư BOT đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, nhất là các dự án phải hoàn thành trong năm 2017 và các dự án có tiến độ gấp. Chỉ đạo đảm bảo an toàn tuyệt đối trong thi công ở các dự án.

- b.3. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thanh toán thu hồi công nợ, đặc biệt là các dự án đã hoàn thành bàn giao.
- b.4. Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên trên tất cả các mặt, hướng tới phát triển theo chiều sâu, tăng năng suất lao động có tính bền vững.

2.2 Biện pháp tổ chức thực hiện

a. Công tác chỉ đạo điều hành

a.1. Các dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác:

Tập trung hoàn thành xong dứt điểm các phần việc tồn tại và phát sinh nếu có. Đồng thời phải quyết liệt công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư và Nhà thầu chính để có nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

a.2. Các dự án hoàn thành trong năm 2017:

Cần huy động tối đa nhân lực, vật tư thiết bị và tài chính, tập trung chỉ đạo quyết liệt các dự án sau để về đích đúng yêu cầu: Cầu Sông Chanh, cầu Bạch Đằng, Gói thầu số 1&7 – dự án cao tốc ĐN-QN, Cầu Vàm Cống, tuyến tránh Tây Thanh Hóa, cầu Bạch Đằng, Pháp Vân – Cầu Giẽ gói 16, gói XL2.4 và XL2.5 dự án BT QL20, thi công xây dựng đường tầng – Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cầu Trà Khúc, cầu Sê Kông, nút giao Tây Sông Hàn, cầu số 1 Đà Nẵng, dự án PBC đoạn tuyến QL6 gói thầu RAP/CP16 đoạn Km233 - Km268.

a.3. Các dự án khác:

Đối với các dự án đang thi công có tiến độ không gãy, hoặc chưa vào giai đoạn cuối như: Cầu Cẩm Hải- Quảng Ninh, cầu Mỏ Nhất, cầu Gián Khẩu, cầu Bình Khánh ... Cần đẩy nhanh tiến độ để tăng sản lượng và làm chủ được tiến độ hợp đồng.

a.4. Với các dự án Tổng công ty ủy quyền cho các đơn vị thực hiện:

Cần tăng cường kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, không để chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến thương hiệu của Tổng công ty.

b. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hoàn thiện thể chế hoạt động của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện các quy định nội bộ, các cơ chế đảm bảo sự vận hành của toàn Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Tiếp tục đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu quả bộ máy tại Tổng công ty đảm bảo chức năng nhiệm vụ vừa trực tiếp chỉ đạo SXKD của Tổng công ty, vừa quản lý phần vốn góp tại các Công ty con, Công ty liên kết. Rà soát lại định biên các nhân sự trong bộ máy theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị thành viên theo mục tiêu: “Năng suất, chất lượng, hiệu quả”, từng bước nâng cao

năng lực cạnh tranh của các đơn vị trên thị trường. Chuyển đổi phương thức quản lý từ đơn vị hạch toán phụ thuộc sang công ty TNHH một thành viên và tiến tới cổ phần hóa các công ty này khi đủ điều kiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua việc thực hiện chức năng của cổ đông, để khắc phục những yếu kém trong công tác điều hành của các đơn vị thành viên nhằm mục tiêu quản lý bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty và vốn đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết.

c. Công tác thị trường và đầu tư xây lắp:

- Hiện tại quỹ công việc năm 2017 không nhiều, công tác thị trường và đầu tư xây lắp được xác định là công việc trọng tâm số một, quyết định việc hoàn thành kế hoạch SXKD cũng như để TCT ổn định và phát triển. Vì vậy cần tiếp cận thị trường để trúng thầu các dự án tạo nguồn công việc cho năm nay và các năm tiếp theo. Tập trung vào các dự án có nguồn vốn ODA, tiếp tục tham gia đầu tư các dự án theo mô hình PPP với các hình thức BOT, BT, ... Tăng cường liên danh, liên kết với các đối tác, các bạn hàng trong và ngoài nước. Khai thác tối đa các phần việc mà Tập đoàn đã và sẽ đảm nhận tại các dự án.
- Nhằm mục tiêu đủ việc làm cho năm 2017 và gói đầu cho các năm sau, phấn đấu thắng thầu toàn Tổng công ty dự kiến trong năm 4.000 tỷ đồng.

d. Công tác kế hoạch:

- Công tác giá thành Kế hoạch: Hoàn thiện phê duyệt các dự án, gói thầu còn tồn tại trong năm 2016 chưa được phê duyệt.
- Quản lý chặt chẽ khối lượng tại các dự án, kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm đảm bảo sản lượng, doanh thu. Chỉ đạo và trực tiếp giải quyết các vướng mắc về công tác nghiệm thu thanh toán, trượt giá, đáp ứng yêu cầu dòng tiền để các dự án thi công thông suốt và hiệu quả.
- Có giải pháp quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ: Rà soát lại toàn bộ công nợ tại các dự án, phân tích chi tiết cơ cấu, thành phần các khoản nợ để có giải pháp phù hợp trong công tác thu hồi công nợ với các dự án đã hoàn thành, quyết toán dứt điểm với Chủ đầu tư.
- Đối chiếu quyết toán nội bộ: Đối chiếu khối lượng, giá trị được hưởng để quyết toán cho các đơn vị tại các dự án đã hoàn thành.

e. Công tác tài chính:

- Phát huy và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quản lý năm 2016, năm 2017 công tác tài chính cần thực hiện tốt các nội dung sau:
 - + Tiếp tục thúc đẩy công tác đối chiếu thu hồi nợ cũng như tổ chức việc kiểm kê đối chiếu tài sản công nợ cuối năm;

- + Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý các nguồn tiền tạm ứng, thanh toán để luân chuyển một cách khoa học, hiệu quả và đảm bảo đủ vốn cho các dự án;
- + Tiếp tục đầu tư cho các dự án BOT mà Tổng công ty đang tham gia, chuẩn bị đủ nguồn vốn để tham gia vào các dự án PPP, BOT khác.

f. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động:

- Công tác kỹ thuật công nghệ:
 - + Hoàn thiện và tổng kết các công nghệ mới, nhất là các công nghệ vừa thực hiện thành công trong năm qua như: Công nghệ lao lắp dầm dàn thép có khẩu độ lớn bằng hệ nổi và thiết bị chuyên dụng tại cầu Ghềnh Đồng Nai.
 - + Quản lý chặt chẽ quy trình kỹ thuật thi công, theo dõi sát sao tiến độ, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc kỹ thuật trong quá trình thi công. Tiếp tục chỉ đạo các công nghệ mới đang thực hiện: Thi công dầm cầu dây văng với trọng lượng một khối đúc lớn lên tới 470T, thi công lắp vòm thép nặng gần 300T...
 - + Thăm tra, thẩm định: thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế biện pháp thi công các dự án của Tổng công ty.
 - + Tiếp tục triển khai và kiểm tra chương trình quản lý chất lượng công trình: Từ khâu thiết kế biện pháp thi công, thí nghiệm vật liệu đầu vào, công nghệ thi công,...đồng thời bố trí đủ lực lượng Kỹ sư có chuyên môn cao để chỉ đạo và giải quyết xử lý kịp thời các vướng mắc về kỹ thuật tại hiện trường.
 - + Tiếp tục liên danh hợp tác với các Công ty nắm giữ công nghệ tiên tiến trong thi công trên thế giới để ứng dụng vào các dự án của Tổng công ty. Phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.
- Công tác An toàn lao động:

Với mục tiêu an toàn tuyệt đối tại các dự án, không có tai nạn lao động, tiếp tục chú trọng các nội dung sau:

 - + Tăng cường chỉ đạo và tổ chức kiểm tra thường xuyên công tác an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, công tác an toàn lao động trên tất cả các công trường, biện pháp tổ chức thi công phải kèm theo giải pháp an toàn lao động.
 - + Tiếp tục tổ chức học và cấp chứng chỉ an toàn lao động cho người mới vào đơn vị, để 100% công nhân có chứng chỉ an toàn khi tham gia thi công.
 - + Kiểm tra và bổ sung kiện toàn mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên. Trang bị đầy đủ thuốc và các thiết bị y tế cần thiết cho cán bộ y tế tại công trường. Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân, nơi ăn ở đảm bảo vệ sinh cho người lao động.

g. Công tác đầu tư



- Đầu tư thiết bị: Tiếp tục rà soát, cân đối nhiệm vụ SXKD tại các dự án để từng bước đầu tư đủ thiết bị thi công và nâng cao khả năng cạnh tranh của Tổng công ty. Đồng thời cần thống kê chi tiết hiệu quả công tác sử dụng thiết bị tại các dự án, đơn vị hạch toán phụ thuộc để đảm bảo hiệu quả cho Tổng công ty.
- Đầu tư BOT: Tiếp tục đầu tư các dự án mà Tổng công ty tham gia theo lộ trình: dự án BOT QL62, Dự án Lào Cai – Sa Pa. Đồng thời chuẩn bị đủ nguồn tài chính để đầu tư cho các dự án PPP tiếp theo trong thời gian tới.

h. Công tác quản lý vốn và quan hệ cổ đông

h.1. Công tác quản lý vốn:

- Đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Phối hợp phòng TCKT rà soát, tổng hợp tình hình thu nộp cổ tức của TCT tại các doanh nghiệp, đôn đốc việc nộp cổ tức.

h.2. Công tác quan hệ cổ đông:

- Thực hiện việc kiểm soát và xác nhận các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông phù hợp quy định của luật chứng khoán.
- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCK và website Tổng công ty phù hợp với quy định hiện hành.

h.3. Công tác thoái vốn:

- Thực hiện thoái vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết theo chủ trương và Nghị quyết của HĐQT Tổng công ty
- Cơ cấu lại vốn góp của TCT tại các Công ty BOT Bạch Đằng; Cổ Chiên; Pháp Vân – Cầu Giẽ.
- Thực hiện việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Tây Nguyên; Tái cơ cấu các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo hướng thành lập Công ty TNHH Một thành viên và thực hiện cổ phần hóa ở một số đơn vị nhằm tăng sự chủ động trong SXKD.

i. Công tác phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác, đáp ứng được yêu cầu mục tiêu và phát triển của Tổng công ty.
- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị cao đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.
- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng với người lao động có trình độ, hiệu suất lao động cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Tổng công ty. Động viên khuyến khích người lao động nỗ lực

học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp cùng Tổ chức Công đoàn, Đoàn TN động viên chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.

k. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty

Tăng cường các hoạt động quảng bá thương hiệu Ciencoi và sử dụng các giải pháp để kinh doanh thương hiệu, trước mắt tập trung vào các nội dung sau:

- Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm, hoàn thành chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao thông qua đó để quảng bá hình ảnh và khẳng định thương hiệu.
- Tích cực tham gia các giải thưởng về chất lượng công trình của Nhà nước và ngành Giao thông tổ chức qua đó để quảng bá hình ảnh và thương hiệu.
- Hợp tác kết hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí,... để quảng bá hình ảnh và thương hiệu.
- Tiếp tục duy trì và phát hành nội san Nhịp sống Ciencoi để tuyên truyền, cập nhật những sự kiện nổi bật, thông tin nội bộ, tuyên dương gương “Người tốt việc tốt” trong lao động sản xuất và công tác của CBCNVCLĐ toàn Tổng công ty. Qua đó để động viên khích lệ tinh thần lao động hăng say sản xuất của người lao động, đồng thời quảng bá thương hiệu của TCT.
- Kết hợp với Tổ chức Công Đoàn, Đoàn TN và các tổ chức xã hội để tăng cường giáo dục Cán bộ, Công nhân viên nêu cao ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ hình ảnh thương hiệu của Tổng công ty.

l. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tiếp tục xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật về chất lượng và an toàn trên các dự án và công xưởng.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa kinh doanh: Tôn trọng và hợp tác với khách hàng, bạn hàng. Trung thực và tự tin trong công việc và là đối tác tin cậy của khách hàng, bạn hàng.
- Tiếp tục xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước của Tổng công ty.

m. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

- Tiếp tục chỉ đạo và phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên TCT lập kế hoạch và triển khai, tổ chức phát động thi đua ngay từ đầu năm, từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên với những hoạt động cụ thể thiết thực nhất, hướng vào mục tiêu sản xuất kinh doanh của năm 2017: “Năm chất lượng - Tiến độ - An toàn - Hiệu quả”.



- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn TN tiếp tục tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm để tạo khí thế sôi nổi trong phong trào thi đua LDSX, góp phần tạo sự sôi động trong đời sống tinh thần của CBCNV-LĐ toàn Tổng công ty.
- Tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội do Bộ GTVT, công đoàn GTVT Việt Nam và các tổ chức khác phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TCT

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của TCT trong năm 2016

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016	Thực hiện 2016	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700	700	100%
2	Giá trị sản lượng	5.000	2.132	42,6%
3	Doanh thu	4.500	2.607	57,9%
6	Lợi nhuận trước thuế	88,353	75,62	85,6%
8	Lợi nhuận sau thuế	71,95	62,75	87,2%
10	Cổ tức	9%	5%	55,6%

b. Công tác đầu tư các dự án BOT

TT	Dự án	Phải góp theo cam kết (triệu đồng)	Thực góp đến 31/12/2016 (triệu đồng)	Còn phải góp theo cam kết (triệu đồng)
	Tổng vốn đưa vào thực hiện các dự án BOT, BTO, BT	446.163,37	440.695,8	5.467,6
1	Dự án BOT Thanh Hóa (15,36%VĐL)	44.558,4	44.558,4	-
2	Dự án BOT cầu Cổ Chiên - Quốc lộ 60 (26%VĐL)	49.400,0	49.400,0	-
3	Dự án BOT cầu Việt Trì (20%VĐL)	53.000,0	48.532,4	5.467,6
4	Dự án BOT tuyến tránh TP Phú Lý (25% VĐL)	70.000,0	70.000,0	-
5	Dự án BOT Pháp Vân – Cầu giẽ (18%VĐL)	148.172,6	148.172,6	-
6	Dự án BOT Cầu Bạch Đằng (10%VĐL)	85.500,0	85.500,0	-

*** Đánh giá hiệu quả đầu tư:** Hiện tại các dự án đầu tư BOT đang triển khai đều đạt tiến độ, hiệu quả. Dự án BOT đường tránh TP Thanh Hóa, BOT cầu Việt Trì, BOT cầu Cổ Chiên, BOT tuyến tránh TP Phú Lý đang tiến hành thu phí.

c. Kết quả quản trị điều hành:

c.1. Ngoài việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, trong năm, HĐQT đã chỉ đạo hoàn thiện thêm hệ thống văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, tạo khung pháp lý đầy đủ để CIENCO1 hoạt động hiệu quả theo mô hình công ty cổ phần. Cụ thể:

- Ban hành hệ số lương và tiêu chuẩn ngạch lương;
- Ban hành Quy định công tác thị trường và giao việc của Tổng công ty;
- Kiện toàn Ban sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định quản lý nội bộ thuộc TCT.

c.2. Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo lựa chọn đơn vị kiểm toán của CIENCO1 cho năm tài chính 2016 là Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY ACA.

c.3. Tiếp tục đổi mới và kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự của Tổng công ty theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng. Đã ban hành các quyết định bổ nhiệm và chấp thuận bổ nhiệm đối với các chức danh trong bộ máy điều hành của công ty Mẹ - Tổng công ty theo phân cấp, thành lập phòng Pháp chế. Trong năm, HĐQT đã bổ nhiệm ông Đinh Văn Thanh giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 14/06/2016.

c.4. Tiếp tục chỉ đạo công tác thương hiệu – truyền thông, qua đó thương hiệu CIENCO1 tiếp tục được khẳng định ở tầm cao mới với các chương trình và sự kiện nổi bật.

c.5. Công tác thoái vốn: Trong năm, đã thoái thành công 100% phần vốn góp tại 04 đơn vị (Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1 – CIENCO1, CP đầu tư và XDCT 134 và Công ty CP Đầu tư – Thương mại và XDGT1, Công ty 248. Tổng giá trị theo mệnh giá là: **25.924.740.000 đồng**, tổng giá trị thu về: **45.906.888.000 đồng**, thu lợi trên **19 tỷ đồng**. Tuy nhiên, việc thoái vốn một số doanh nghiệp khác không đạt được mục đích đề ra do chưa thống nhất được giá thoái.

c.6. Tiếp tục chú trọng thị trường nước ngoài, đặc biệt là các dự án ở các nước bạn Lào và Campuchia. Tiếp cận mở rộng thị trường Srilanka và Myanmar.

c.7. Công tác an sinh xã hội vì cộng đồng tiếp tục được triển khai đa dạng, có hiệu quả ở cả trong và ngoài nước, khẳng định thương hiệu “Doanh nghiệp vì cộng đồng” và góp phần tích cực vào việc xây dựng, quảng bá hình ảnh, thương hiệu vì cộng đồng của CIENCO1.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Tổng công ty

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP và các quy định phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Ban Tổng giám đốc. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã hoạch định, xây

dựng và lập kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của CIENCOI và báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Năm 2016, trước những diễn biến của thị trường xây dựng hạ tầng GTVT, Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã cụ thể hóa các chủ trương của ĐHĐCĐ, của HĐQT bằng những chương trình, những hành động, những giải pháp cụ thể để điều hành sản xuất kinh doanh. Công tác thị trường đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, do nhiều tác động không thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, nên giá trị sản lượng đạt thấp, chỉ bằng 42,6% Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2017

Chính phủ xác định chủ đề chỉ đạo, điều hành năm 2017 “*Tăng cường kỷ cương, đề cao trách nhiệm, thi đua sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững*”.

Về hoạt động của ngành GTVT, phương châm hành động năm 2017 là: “*Phát huy truyền thống đi trước mở đường, tăng cường kỷ cương, đề cao trách nhiệm, thi đua sáng tạo, quyết liệt hành động vì lợi ích của người dân và cộng đồng doanh nghiệp*”.

Trên cơ sở dự báo và lường đón những khó khăn, thách thức đến từ thị trường xây dựng hạ tầng GTVT, đồng thời nhận thức và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của một Tổng công ty hàng đầu trong ngành GTVT, hướng tới mục tiêu trở thành Tập đoàn xây dựng GTVT hàng đầu, có quy mô và các chỉ số đáp ứng chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đồng thời tích cực triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, HĐQT CIENCOI xác định trọng tâm chỉ đạo điều hành năm 2017 như sau:

3.1 Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	700
2	Giá trị sản lượng (tỷ đồng)	3.000
3	Doanh thu (tỷ đồng)	2.700
4	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	64,8
5	Cổ tức	8%

3.2 Xây dựng đề án tái cấu trúc Tổng công ty XDCTGT1 – Công ty CP giai đoạn 2017-2020 nhằm mục tiêu thay đổi, sắp xếp lại mô hình tổ chức và hệ thống quản trị của doanh nghiệp; Trong đó tập trung vào việc cơ cấu lại mô hình Công ty mẹ Tổng công ty và các Công ty con – Công ty liên kết, sắp xếp lại các phòng ban nghiệp vụ, hoàn thiện các quy định nội bộ, các cơ chế nhằm đảm bảo sự vận hành của toàn Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn môi trường hoạt động tại Việt Nam.

3.3 Bám sát diễn biến của thị trường, thực hiện thoái vốn các doanh nghiệp theo từng giai đoạn, đảm bảo lộ trình đã được phê duyệt. Đặc biệt, tập trung thoái vốn ở các đơn vị làm ăn thua lỗ, không có lợi thế về quỹ đất và tài sản cố định.

3.4 Tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giám sát triển khai đề án tái cơ cấu các công ty con, công ty liên kết. Chuyển đổi các đơn vị hạch toán phụ thuộc thành công ty TNHH MTV và tiến hành cổ phần hoá một số đơn vị để nâng cao năng lực, khả năng tự chủ của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

3.5 Thành lập Công ty TNHH quản lý vốn do TCT làm chủ sở hữu để quản lý toàn bộ phần vốn đầu tư của TCT tại các dự án BOT.

3.6 Đẩy mạnh công tác đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, các dự án theo các hình thức BT, BOT, PPP. Quản lý chặt chẽ các dự án đã đầu tư BOT, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Tiến hành mua thêm cổ phần ở các công ty BOT hiện đang hoạt động có hiệu quả.

3.7 Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ lên 1000 tỷ đồng để có đủ vốn đầu tư các thiết bị thi công, các dự án BT, BOT và PPP.

3.8 Nhằm tạo điều kiện để BKS TCT thực hiện đầy đủ chức năng – nhiệm vụ - quyền hạn đã được quy định; Thay mặt cổ đông kiểm tra – giám sát thường xuyên việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của TCT về mọi mặt, thống nhất chuyển các thành viên BKS TCT sang chế độ làm việc chuyên trách.

3.9 Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác phát triển nguồn nhân lực; hoàn thiện khung chương trình đào tạo theo chức danh, xây dựng khung năng lực và hoàn thiện tiêu chí đánh giá cán bộ toàn diện, đồng bộ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương theo vị trí công việc...

3.10 Tăng cường công tác thị trường, mở rộng phạm vi hoạt động trong và ngoài nước, nhằm tạo đủ quỹ công việc cho năm 2017 và các năm tiếp theo.

3.11 Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, nhất là các dự án phải hoàn thành trong năm 2017 và các dự án có tiến độ gấp. Chỉ đạo đảm bảo an toàn tuyệt đối trong thi công ở các dự án.

3.12 Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thanh toán thu hồi công nợ từ các nguồn vốn.

3.13 Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, hướng tới phát triển sản xuất theo chiều sâu, tăng năng suất lao động có tính bền vững. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tối đa năng lực thiết bị thi công, các công nghệ và nguồn đầu tư của TCT để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, chiếm lĩnh thị trường. Luôn đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến vào trong hoạt động SXKD.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

TT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ SH cổ phần có quyền biểu quyết		Số lượng chức danh HĐQT tại DN khác	Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Cần Hồng Lai	CT HĐQT	4.100	0,0059%	-	
2	Phạm Văn Diệt	PCT HĐQT	-	-	01	
3	Nguyễn Ngọc Hòa	UV.HĐQT, P.TGD	7.000	0,0100%	01	
4	Đào Việt Tiến	UV. HĐQT, PTGD	101.500	0,1450%	-	
5	Vương Đức Thọ	UV. HĐQT, P.TGD	5.600	0,008%	01	
6	Trần Đức Hòa	UV. HĐQT	-	-	-	
7	Quách Bá Vương	UV. HĐQT	-	-	02	

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

c. Hoạt động của HĐQT

Với mục đích giữ vững và phát triển thương hiệu CIENCO1, HĐQT đã chỉ đạo và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Trong năm qua, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng điều lệ.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (CIENCO1) đã tổ chức 05 cuộc họp. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty đã tổ chức thực hiện tổng cộng 61 đợt lấy ý kiến các thành viên HĐQT đối với các nội dung không cần thiết phải tổ chức cuộc họp trực tiếp để giảm chi phí. HĐQT CIENCO1 đã ban hành tổng cộng 45 văn bản, trong đó có 08 Nghị quyết, 37 Quyết định để quản lý hoạt động của TCT.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- Ông Phạm Việt Khoa được miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT từ ngày 14/6/2016.
- Ông Đào Việt Tiến được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ ngày 14/6/2016.
- Ông Trần Đức Hoà được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ ngày 14/6/2016.

- Ông Quách Bá Vương được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ ngày 14/6/2016.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo điều lệ và Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo đúng Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của CIENCO1 và các cổ đông;
- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả SXKD, góp phần vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch SXKD của CIENCO1 trong từng thời kỳ;
- Tham dự các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;
- Triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT phù hợp với Điều lệ CIENCO1 và quy định của Pháp luật;
- Yêu cầu Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, người quản lý của các đơn vị trực thuộc CIENCO1 cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, đánh giá hoạt động SXKD của CIENCO và các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCD và HĐQT về các hoạt động của mình, đồng thời công khai các lợi ích liên quan theo quy định;

Ngoài ra, theo phân công nội bộ của HĐQT, các thành viên đã đảm nhận và hoàn thành các nội dung được phân công. Cụ thể như sau:

- (1). **Chủ tịch HĐQT Cần Hồng Lai:** Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT được ghi trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của Tổng công ty; Theo dõi, chỉ đạo và giám sát chiến lược phát triển TCT, công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, quan hệ cổ đông.
 - (2). **Phó chủ tịch HĐQT Phạm Văn Diệt:** Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT. Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư tài chính.
 - (3). **Ủy viên HĐQT, Phó TGD Vương Đức Thọ:** Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác quản lý điều hành khối xây dựng đường bộ, đường sắt, sân bay, hợp tác quốc tế;
 - (4). **Ủy viên HĐQT, Phó TGD Nguyễn Ngọc Hòa:** Theo dõi, chỉ đạo và giám sát công tác đầu tư phục vụ SXKD, kế hoạch, kỹ thuật công nghệ và an toàn lao động.
 - (5). **Ủy viên HĐQT Trần Đức Hoà:** Theo dõi, chỉ đạo công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Theo dõi, chỉ đạo mở rộng và phát triển công nghệ xử lý nền móng và công trình ngầm.
 - (6). **Ủy viên HĐQT – Phó TGD Ông Đào Việt Tiến:** Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác quản lý điều hành khối xây dựng cầu cảng.
 - (7). **Ủy viên HĐQT Quách Bá Vương:** Theo dõi, chỉ đạo và giám sát công tác tài chính, thị trường, truyền thông.
- d. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:** Tổng công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của BKS

TT	Họ và Tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Cơ cấu
		Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Văn Long	38.180	0,0545%	Trưởng BKS
2	Đỗ Thúy Anh	-	-	KSV
3	Trần Thị Thu Huyền	-	-	KSV

b. Hoạt động của BKS năm 2016

b1. Các công tác đã thực hiện năm 2016

- Năm 2016, Ban Kiểm soát Tổng công ty hoạt động với 03 thành viên, gồm:
 - + Ông Lê Văn Long – Trưởng Ban
 - + Bà Đỗ Thúy Anh – Thành viên
 - + Bà Trần Thị Thu Huyền – Thành viên *(được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 nhất trí bầu bổ sung để thay thế Ông Vũ Việt Hùng có đơn từ nhiệm ngày 03/4/2016).*
- Trong năm 2016, Ban Kiểm soát – thay mặt cho các cổ đông của Tổng công ty, đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác cụ thể, triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Tổng công ty với những nội dung sau:
 - + Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty;
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
 - + Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành và tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty;
 - + Kiểm tra, thẩm định báo cáo kết quả SXKD, phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty;
 - + Kiểm tra, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành về tài chính – kế toán, thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành;
 - + Kiểm tra việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động;



+ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo các thông tin đến với cổ đông được đầy đủ, chính xác và kịp thời;

+ Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ với cổ đông (chốt danh sách cổ đông để hưởng quyền, chi trả cổ tức) để đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông;

+ Để thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát Tổng công ty đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban sản xuất của Tổng công ty; tham gia ý kiến và đưa ra những kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty;

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

b2. Kế hoạch hoạt động năm 2017:

Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được quy định, năm 2017, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông của Tổng công ty thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty về mọi mặt, cụ thể:

– Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2017 của Tổng công ty;

– Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

– Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD;

– Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính – kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực của các số liệu tài chính, thẩm định các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trong năm 2017;

– Đưa ra các đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị và điều hành hoạt động của Tổng công ty trên cơ sở các kết quả kiểm tra, giám sát;

– Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã quy định trong Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

c. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông qua quá trình giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đánh giá: Hội đồng quản trị Tổng công ty, trong năm qua, đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

– Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

– Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

– Năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp, ngoài ra, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cũng đã tổ chức thực hiện 61 đợt lấy ý kiến các thành viên HĐQT đối với các nội dung không cần thiết phải tổ chức cuộc họp trực tiếp để giảm chi phí. Trên cơ sở nội dung các cuộc họp và các đợt lấy ý kiến, Hội đồng quản trị TCT đã ban hành tổng cộng 45 văn bản, trong đó có 08 Nghị quyết và 37 quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng, công tác thoái vốn, tái cấu trúc doanh nghiệp và tổ chức nhân sự của Tổng công ty. Các Nghị quyết, quyết định đều được ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản trị, đúng quy trình và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cũng như thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

– Thực hiện các công việc khác theo đúng chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

– Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên, của Hội đồng quản trị Tổng công ty liên quan đến các mặt hoạt động của Tổng công ty, thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

– Duy trì thường xuyên lịch họp giao ban nhằm tập trung giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

– Ban Tổng Giám đốc cũng đã ban hành, sửa đổi kịp thời các quy trình, quy chế để áp dụng vào thực tiễn một cách khoa học và có hiệu quả nhất trong công tác quản trị, quản lý chi phí nhằm phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty;

– Các hoạt động điều hành cụ thể của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016:

+ *Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:* Năm 2016 là năm đặc biệt khó khăn đối với Tổng công ty do tình hình chung của nền kinh tế và sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục cùng những nỗ lực trong công tác điều hành nhưng kết quả SXKD năm 2016 so với kế hoạch đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2016 là không đạt. Nguyên nhân chính do:

- Thiếu nguồn công việc gói đầu, quỹ công việc bổ sung năm 2016 không nhiều;
- Nợ đọng ở một số dự án do Chủ đầu tư chậm thanh toán, quyết toán, điều chỉnh giá, v.v., làm ảnh hưởng đến dòng tiền thi công và dòng tài chính của Tổng công ty, tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Tổng công ty.
- Việc thiếu mặt bằng thi công tại một số dự án (Gói 1&7: Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Gói 16: Pháp Vân – Cầu Giẽ, Dự án tuyến tránh Tp. Thanh Hoá, v.v), thiếu hụt về dòng tiền dẫn đến chậm thanh toán cho nhà thầu,

cho nhà cung cấp, chậm tiến độ thi công gây lãng phí cho việc huy động thiết bị, nhân lực, tăng chi phí quản lý.

+ *Công tác quản lý giá thành – thanh quyết toán công trình:*

- Hiện nay, Tổng công ty đang thực hiện quản lý, điều hành phân việc cho các đơn vị thông qua việc giao giá thành kế hoạch. Việc này làm tăng hiệu quả quản lý chi phí, giá thành. Tuy nhiên, việc duyệt giá thành kế hoạch của Tổng công ty còn chậm làm ảnh hưởng đến việc ký kết các hợp đồng với đơn vị dẫn đến chậm triển khai thực hiện dự án, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và uy tín của Tổng công ty.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, điều chỉnh giá với các chủ đầu tư, các nhà thầu chính đảm bảo thu hồi vốn nhanh.

+ *Công tác quản lý tài chính – thu hồi công nợ - hạch toán kế toán:*

- Đến 31/12/2016, Tổng công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần được gần 3 năm. Tuy nhiên, so với thời điểm bàn giao doanh nghiệp (ngày 06/6/2014) thì tình hình tài chính của Tổng công ty đang đi xuống, doanh thu giảm sút dẫn đến quy mô tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty giảm đáng kể (theo Báo cáo tài chính công ty mẹ: Giá trị tổng tài sản/nguồn vốn tại thời điểm 06/6/2014 đạt 4.543,2 tỷ Đồng; 31/12/2015 giảm còn 3.855,6 tỷ Đồng; 31/12/2016 tiếp tục sụt giảm còn 3.464,9 tỷ Đồng – Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 06/6/2014 là 700 tỷ Đồng; 31/12/2015 đạt 786,6 tỷ Đồng; 31/12/2016 đạt 780,9 tỷ Đồng).
- Công tác thu hồi công nợ được Tổng công ty thực hiện quyết liệt, nhiều dự án cũ đã được thu hồi: dự án Đường Chiềng Ngần – Hát Lót; Gói thầu PK1C – QL3; Nút giao Láng – Hoà Lạc; Cầu Trần Thị Lý; cầu Rồng; cầu Đông Trù; v.v.)
- Trong năm 2016, Tổng công ty cũng đã hoàn thành xong quyết toán thuế giai đoạn trước cổ phần hoá và bàn giao tài chính sau cổ phần hoá.
- Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, hệ thống mẫu biểu báo cáo, quản lý tài chính theo đúng quy định của luật pháp và phù hợp với chuẩn mực kế toán.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt, tạo dựng uy tín với các tổ chức tín dụng đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo lãnh, vay vốn phục vụ sản xuất.
- Đảm bảo tính trung thực và chính xác về số liệu tài chính phục vụ công tác công bố thông tin theo đúng quy định áp dụng đối với công ty đại chúng.

+ *Công tác thị trường:* Được xác định là công tác trọng tâm quyết định việc hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra của năm, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo sát sao công tác thị trường và cũng đạt được những kết quả nhất định:

- Trong năm 2016, Tổng công ty đã tham gia đấu thầu và trúng thầu 18 gói thầu với giá trị 3.186 tỷ Đồng, trong đó có một số gói thầu lớn và trọng điểm như: cầu Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng; Pháp Vân – Cầu Giẽ (giai đoạn 2); cầu Cẩm Hải; cầu Mỏ Nhát; v.v.
- Đã ký hợp đồng nguyên tắc với Chủ đầu tư được 2 gói thầu: Gói XL03 – Dự án QL60; Gói thầu RD2 – Dự án tuyến nối từ đường Võ Văn Kiệt đến đường cao tốc Hồ Chí Minh – Trung Lương.
- Tham gia tiếp cận và đã báo cáo đầu tư được 8 dự án BOT, BT.

+ *Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng, vật tư thiết bị và an toàn lao động:*

- Việc nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ được Ban Tổng Giám đốc chú trọng quan tâm, các công nghệ mới đã được Tổng công ty tiếp nhận và ứng dụng có hiệu quả tại nhiều dự án.
- Về đảm bảo chất lượng công trình, an toàn lao động luôn được đặt lên hàng đầu và được chấp hành tốt.

+ *Công tác đầu tư:*

- Năm 2016, Tổng công ty tiếp tục đầu tư góp vốn vào các công ty BOT để thực hiện các dự án: cầu Cổ Chiên, Cầu Việt Trì, Đường tránh Tây Thanh Hoá, Tuyến tránh Phú Lý, cầu Bạch Đằng, v.v. Công tác quản lý, điều hành tại các dự án BOT được Tổng công ty thực hiện tốt, có nhiều khả quan về hiệu quả đầu tư.
- Công tác đầu tư máy móc thiết bị và vật tư thi công: Trong năm 2016, Tổng công ty đã đầu tư thêm 04 bộ máy khoan đập cấp để phục vụ thi công cầu Cẩm Hải và cầu Mỏ Nhát cùng một số thiết bị khác với tổng giá trị đầu tư là 2,8 tỷ Đồng.

+ *Công tác quản lý vốn và quan hệ cổ đông:*

- Năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại Công ty CP XD Đường bộ 248-CIENCO 1, Công ty CTĐT và XDCT 134, Công ty CPĐT-TM XDGT 1 (TRICO), Công ty CP Tư vấn ĐTXDCTGT1 – CIENCO 1 với tổng giá trị thu về là 45,9 tỷ đồng/25,9 tỷ đồng theo mệnh giá gốc.
- Thực hiện chuyển đổi thành công Trường Trung cấp nghề công trình 1 và Công ty Cung ứng lao động quốc tế và dịch vụ thành Công ty TNHH



MTV (ngày 28/12/2016, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty đã ký Quyết định số 0549/QĐ-HĐQT về việc “Thành lập Công ty TNHH MTV Cung ứng lao động quốc tế và dịch vụ Inmasco” và Quyết định số 0553/QĐ-HĐQT về việc “Thành lập Công ty TNHH MTV Trường Trung cấp nghề công trình 1”);

- Xây dựng phương án, lộ trình và bước đầu thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Tây Nguyên.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty và hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông với tổng số tiền chi trả là 63 tỷ đồng (tương đương 9%).
- Thực hiện nghiêm các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng, đảm bảo thông tin được công bố kịp thời, chính xác.

+ Các mặt hoạt động điều hành khác: Công tác tổ chức cán bộ, pháp chế, thông tin tuyên truyền, phong trào thi đua được Tổng công ty thực hiện tốt, đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

e. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016

– Các Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh tài chính được lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY ACA là đơn vị được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận và là một trong sáu đơn vị được đề xuất và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty;

– Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty: ngoài ý kiến nêu trong “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ” (đối với Báo cáo tài chính hợp nhất) về số liệu tài chính khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu và ý kiến nêu trong “Vấn đề khác” về số dư đầu kỳ do các Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác mà theo đánh giá của Ban Kiểm soát là không trọng yếu, các Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Các giao dịch, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2016



(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và thù lao trung bình (đồng/người/tháng)			Tổng thu nhập
			Tiền lương	Thù lao	Cộng	
1	Cần Hồng Lai	CTHĐQT	47.850.860		47.850.860	574.210.314
2	Phạm Văn Diệt	PCT HĐQT		10.000.000	10.000.000	120.000.000
3	Nguyễn Ngọc Hòa	UVHĐQT – PTGD		10.000.000	10.000.000	120.000.000
4	Đào Việt Tiến	UVHĐQT		10.000.000	10.000.000	65.909.091
5	Vương Đức Thọ	UVHĐQT – PTGD		10.000.000	10.000.000	120.000.000
6	Trần Đức Hòa	UVHĐQT		10.000.000	10.000.000	65.909.091
7	Quách Bá Vương	UVHĐQT		10.000.000	10.000.000	65.909.091
8	Phạm Việt Khoa	NUVHĐQT		10.000.000	10.000.000	54.090.909
9	Lê Văn Long	TBKS	28.780.740		28.780.740	345.368.882
10	Đỗ Thủy Anh	Thành viên BKS		3.000.000	3.000.000	36.000.000
11	Trần Thị Thu Huyền	Thành viên BKS		3.000.000	3.000.000	19.772.727
12	Vũ Việt Hùng	Thành viên BKS		3.000.000	3.000.000	16.227.273
13	Võ Thành Công	KT	25.913.627		25.913.627	310.963.531

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Giao dịch cổ phiếu: Không

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

S tt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
I	Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan						
1	Trần Anh Dũng		0	0%	84.000	0,1200%	Mua
2	Nguyễn Tiến Hùng		6.300	0,0090%	16.300	0,0233%	Mua
II	Giao dịch của các cổ đông lớn						
1	Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đông CL	7.000.000	10%	0	0%	Bán
2	Công ty TNHH Thiết bị XD Hồng Hà	Cổ đông lớn	17.213.552	24,59%	0	0%	Bán
3	Công ty cổ phần hạ tầng Fecon	Cổ đông lớn	4.767.694	6,81%	0	0%	Bán
4	Công ty CP An Hiền	Cổ đông lớn	0	0%	17.213.552	24,59%	Mua
5	Công ty CP Đầu tư Cái Mép	Cổ đông lớn	0	0%	11.767.694	16,81%	Mua



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông I – Công ty CP: Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông I – Công ty CP tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016: Xem phụ lục đính kèm.
- Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2016: Truy cập website của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông I – Công ty CP (www.cienco1.com – chuyên mục Quan hệ cổ đông) hoặc trên cổng thông tin điện tử của UBCK nhà nước (www.ssc.gov.vn)

Nơi nhận:

- UBCK NN;
- HĐQT TCT (B/c);
- Ban kiểm soát (để biết);
- Tổng giám đốc;
- Website Cienco I;
- Lưu: VP, QHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN NGỌC HÒA

TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
 623 La Thành - Ba Đình - Hà Nội



PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm 31/12/2016

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực KD chính	Vốn điều lệ DN (tr.đ)	Vốn TCT	
					Giá trị (đồng)	% Vốn ĐL
I	CÔNG TY CON (VDL > 50%)			61,200	30,960,710,000	
1	Công ty CP Cầu 12 - CiencoI	463 đường Nguyễn Văn Linh, Phúc Đồng, Long Biên, HN	Xây dựng cầu,...	48,500	24,541,000,000	50.60%
2	Công ty CP CKXD 121 - CiencoI	Số 2 đường Ngọc Lâm, Ngọc Lâm, Long Biên, HN	Sản xuất cơ khí, xây dựng cầu	12,700	6,419,710,000	50.80%
II	CÔNG TY LIÊN KẾT (35% <VDL < 50%)			53,000	25,320,000,000	
1	Công ty CP TVĐT XDCT 1 (Đắk Lắk) - CiencoI	5/8 Cù Chính Lan, BMT, Đắk Lắk	Tư vấn thiết kế xây dựng công trình giao thông,...	4,500	2,205,000,000	49.00%
2	Công ty CP ĐT&XD 125 - CiencoI	168 đường Thành Thái, phường Đồng Thọ, TP Thanh Hóa	Sản xuất vật liệu xây dựng	3,500	1,715,000,000	49.00%
3	Công ty CP XDCT 1	Số 77, tổ 23, phường Long Biên, Long Biên, HN	Xây dựng cầu,...	10,000	4,900,000,000	49.00%
4	Công ty CP XDGT & TM 124	Km12+500, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, HN	Xây dựng đường bộ	15,000	7,200,000,000	48.00%
5	Công ty CP ĐT & XDCT 128 - CiencoI	Số 24, phố Ao Sen, phường Mộ Lao, Hà Đông, HN	Xây dựng đường bộ	10,000	4,800,000,000	48.00%
6	Công ty CP XDCT 15 - CiencoI	Xóm 1A, cụm 11, Đông Ngạc, Từ Liêm, HN	Xây dựng công trình giao thông	10,000	4,500,000,000	45.00%
III	CÔNG TY LIÊN KẾT (VDL < 35%)			388,106	70,824,987,250	
1	Công ty CP ĐT&XDHT Alphanam	Tầng 3B, tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, HN	Xây dựng cầu đường	120,000	3,969,905,831	3.30%
2	Công ty CP TVĐT & XDVN (Vinacico)	Tầng 15, số 169 tòa nhà đa năng Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN	Tư vấn thiết kế cầu đường	9,995	2,590,000,000	25.91%
3	Công ty CP SXVL & XDCT 1	Ngõ Đình Láng Giao Quang, xã Đại Mỗ, Từ Liêm, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	7,801	2,571,000,000	32.96%
4	Công ty CP SXVL & XDCT 119 - CiencoI	Tổ 13, TT Đông Anh, huyện Đông Anh, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	2,310.10	586,812,929	25.40%



5	Công ty CP phát triển ĐT&XD 115 - Cienco1	Số 204, tầng 2, tòa nhà CC 18T Hoàng Đạo Thúy	Sản xuất vật liệu xây dựng	6,000	1,263,240,000	21.05%
6	Công ty CP ĐT&XD - Cienco1 (CIC)	Số 10 C8B Thành Công, Ba Đình, HN	Xây dựng dân dụng	7,000	2,350,000,000	33.57%
7	Công ty CP Xi Măng Mai Sơn	Tiểu khu Thành Công, xã Nà Pó, huyện Mai Sơn, đường tỉnh lộ 110 km số 5, tỉnh Sơn La	Sản xuất Xi măng	235,000	57,494,028,490	24.47%
IV	CÔNG TY BOT			2,792,181	446,163,370,000	
1	Công ty CP B.O.T Đường tránh Thanh Hóa	Tầng 2 tháp The Manor Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, HN	Xây dựng khai thác đường	290,000	44,558,390,000	15.365%
2	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (Liên danh Cienco1 - Tuấn Lộc)	Số 362/14 đường Ung Văn Khiêm, P25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	190,000	49,400,000,000	26.00%
3	Công ty CP BOT cầu Việt Trì (Cienco1 - Yên Khánh - Thái Sơn)	Tổ 2, phố Phong Châu, phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	265,000	48,532,400,000	20.00%
4	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC (Fecon - Conteccons - Cienco1)	Tầng 2 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, HN	Xây dựng công trình ngầm	369,000	70,000,000,000	25.00%
5	Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ (Liên danh Minh Phát - Cienco1 - Phương Thành)	Tầng 6, tòa nhà Minh Tâm, số 137C, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, HN	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, khai thác và chuyển giao đường	823,181	148,172,580,000	18.00%
6	Công ty BOT Cầu Bạch Đằng	Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	855,000	85,500,000,000	10.00%
	TỔNG CỘNG			3,294,487	573,269,067,250	



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 –
CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**



PHỤ LỤC 02: CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0142/2016/NQ-HĐQT	17/02/2016	Nghị quyết phiên họp ngày 21/01/2016
2	0336/2016/NQ-HĐQT	04/12/2016	Nghị quyết phiên họp ngày 05/04/2016
3	0356/2016/NQ-HĐQT	20/4/2016	Nghị quyết giao dịch tiền gửi, bảo lãnh, vay tín dụng tại NHTMCP Đông Nam Á, CN Đồng Đa
4	0491/2016/NQ-HĐQT	26/5/2016	Nghị quyết phiên họp ngày 05/05/2016
5	0561/2016/NQ-DHĐCĐ	14/6/2016	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
6	0563/2016/NQ-HĐQT	14/6/2016	Nghị quyết phiên họp ngày 14/06/2016
7	0976/2016/NQ-HĐQT	26/10/2016	Nghị quyết giao dịch tiền gửi, bảo lãnh, vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình - Hà Nội
8	1017/2016/NQ-HĐQT	01/12/2016	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ thuộc Tổng công ty.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 –
CÔNG TY CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

PHỤ LỤC 03: CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

TT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	07/QĐ-HDQT	11/01/2016	Thế chấp tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty BOT cầu Bạch Đằng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình
2	09/QĐ-HDQT	12/01/2016	Phê duyệt phương án mua lại cổ phần của ô. Quách Bá Vương tại Công ty TECCO1
3	12/QĐ-HDQT	14/01/2016	Phê duyệt phương án thoái vốn của TCT Công ty TECCO1
4	16/QĐ-HDQT	21/01/2016	Giao nhiệm vụ cho Chi nhánh miền Nam – CIENCO1, thi công công trình: Xây dựng bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai, đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị uỷ thị xã Tân Uyên
5	19/QĐ-HDQT	27/01/2016	Chủ trương chế độ Tết Nguyên đán Bình Thân 2016
6	25/QĐ-HDQT	29/01/2016	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của TCT ở Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC
7	26/QĐ-HDQT	29/01/2016	Chấp thuận giao nhiệm vụ cho ông Đoàn Minh Hùng – phụ trách phòng TCKT Công ty Xây dựng 123
8	29/QĐ-HDQT	03/02/2016	Chấp thuận cho Công ty xây dựng 123 được Liên danh với Công ty TNHH đầu tư xây dựng KCON tham gia gói thầu XL2.4 – Dự án đầu tư XDCT khôi phục, cải tạo QL20 đoạn KM154+400 – KM268+000, tỉnh Lâm Đồng theo hình thức BT
9	31/QĐ-HDQT	17/02/2016	Tặng xe TOYOTA Land Cruiser cho Trung ương Đoàn TNCSHCM

10	38/QĐ-HĐQT	18/02/2016	Phê duyệt phương án thoái vốn của TCT tại Công ty CP đầu tư và XDCT 134 và Công ty CP Đầu tư – Thương mại và XDGT1
11	40/QĐ-HĐQT	22/02/2016	Ủy quyền cho ông Đinh Ngọc Dân tham dự và biểu quyết (quyết định) tại các cuộc họp HĐQT Công ty CP BOT Pháp Vân – cầu Giẽ
12	42/QĐ-HĐQT	24/02/2016	Ban hành hệ số lương và tiêu chuẩn ngạch lương
13	44/QĐ-HĐQT	25/02/2016	Ban hành Quy định công tác thị trường và giao việc của Tổng công ty
14	47/QĐ-HĐQT	07/3/2016	Cử ông Đinh Ngọc Dân đại diện phần vốn góp của TCT tại Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ thay cho ông Cấn Hồng Lai
15	58/QĐ-HĐQT	15/3/2016	Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng Công ty Cung ứng lao động quốc tế và dịch vụ
16	75/QĐ-HĐQT	25/3/2016	Thành lập Ban Tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
17	103/QĐ-HĐQT	25/4/2016	Quyết định về việc ký HD XD phần mềm, cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống giám sát lưu lượng phương tiện giao thông DA BOT PV-CG
18	106/QĐ-HĐQT	28/4/2016	Quyết định về chủ trương Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 1/5
19	120/QĐ-HĐQT	10/5/2016	Quyết định chấp thuận bổ sung 01 phó GD và bổ nhiệm CB giữ chức vụ PGĐ XNXDCT Cienco1
20	122/QĐ-HĐQT	11/5/2016	Quyết định chấp thuận bổ nhiệm ông Nguyễn Khắc Mẫn giữ chức vụ Phó phòng KH TCT
21	131/QĐ-HĐQT	18/5/2016	Quyết định chấp thuận bổ nhiệm ông Nguyễn Việt Dũng giữ chức vụ Trưởng phòng Thị trường TCT
22	132/QĐ-HĐQT	18/5/2016	QĐ chấp thuận điều động ông Vũ Văn Mạnh, giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty CP BOT cầu Việt Trì

01042

Q CÔNG
NG CÔNG
THỎ
NG TY

NH - 1

23	133/QĐ-HĐQT	18/5/2016	Quyết định về việc ban hành bảng hệ số tiền lương và quy định tiêu chuẩn ngạch lương
24	135/QĐ-HĐQT	18/5/2016	QĐ thành lập Hội đồng lương TCT năm 2016
25	146/QĐ-HĐQT	26/5/2016	QĐ ký hợp đồng thầu phụ với Công ty CP đầu tư Cái Mép thi công trụ thuộc gói thầu XL-02: Thi công cầu dẫn cầu Bạch Đằng theo hình thức BOT.
26	147/QĐ-HĐQT	26/5/2016	QĐ phê duyệt mức trích dự phòng năm 2015
27	150/QĐ-HĐQT	31/5/2016	QĐ phát hành Báo cáo kiểm toán về BCTC cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015
28	159/QĐ-HĐQT	14/6/2016	QĐ về việc bổ nhiệm ông Đinh Văn Thanh giữ chức vụ TGD
29	202/QĐ-HĐQT	25/7/2016	QĐ về việc chọn đơn vị kiểm toán
30	379/QĐ-HĐQT	27/7/2016	QĐ v/v Phê duyệt thanh lý tài sản không cần dùng của Công ty XD 123
31	382/QĐ-HĐQT	29/7/2016	QĐ v/v bổ nhiệm Phó phòng TCKT TCT
32	394/QĐ-HĐQT	17/8/2016	QĐ v/v thành lập phòng Pháp chế
33	458/QĐ-HĐQT	03/10/2016	QĐ về việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015
34	468/QĐ-HĐQT	11/10/2016	QĐ phê duyệt chức danh Giám đốc Tài chính và bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Trung làm Giám đốc Tài chính của Tổng công ty.
35	484/QĐ-HĐQT	14/10/2016	QĐ v/v mua lại cổ phần của ông Đinh Văn Thanh tại Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Việt Nam
36	528/QĐ-HĐQT	01/12/2016	QĐ v/v Kiện toàn Ban sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định quản lý nội bộ thuộc TCT.
37	548/QĐ-HĐQT	28/12/2016	QĐ v/v Phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH Cung ứng lao động quốc tế và dịch vụ Inmasco

TỔNG CÔNG TY XD CT GIAO THÔNG 1 -

CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04: GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2016	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu 31/12/2016	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Hòa		UV HĐQT, Phó TGĐ	B4806367	3/06/2011	Cục QLXNC	Số 34- B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	7.000	0,01%	
1.1	Nguyễn Tuấn Câu						22 Hoàng Ngân, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Bố
1.2	Đinh Thị Hồng Vân						22 Hoàng Ngân, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Mẹ
1.3	Đào Lệ Thu						Số 34-B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Vợ
1.4	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú						Số 34- B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Con
1.5	Nguyễn Đình Khôi Nguyên						Số 34- B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Con
1.6	Nguyễn Thúy Hồng						10A Hai Bà Trưng , Hà Nội	0	0%	Chị
1.7	Nguyễn Ngọc Ninh						Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	0	0%	Anh
1.8	Nguyễn Thị Bạch Yến						TP. Hải Dương, Hải Dương	0	0%	Chị
1.9	Nguyễn Ngọc Đình						22A Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%	Anh

1.10	Nguyễn Ngọc Bình						Thanh Miện, Hải Dương	0	0%	Em
1.11	Công ty BOT Cầu Bạch Đằng		Công ty liên kết	5701745391	20/01/2015	Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Xã Liên Vị, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh			Chủ tịch HĐQT
2	Cần Hồng Lai		Chủ tịch HĐQT	012617579	6/06/2003	Công an Hà Nội	Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	4.100	0,0059%	
2.1	Cần Minh Ngọc						Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Em
2.2	Cần Thị Hòa						Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Em
2.3	Cần Thị Hiến						Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	154.900	0.2213%	Vợ
2.4	Cần Thị Hạnh						5/60 Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội.	5.900	0,1227%	Con
2.5	Cần Minh Đức						Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	831.900	1,1884%	Con
2.6	Cần Thị Hiếu						Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0	0%	Con
3	Phạm Văn Diệt		Phó CT HĐQT	025668674	17/9/2012	Công an TP. HCM	462/63 Đường 3/2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	0	0%	
3.1	Phạm Văn Mai						Bình Thuận	0	0%	Cha
3.2	Trịnh Thị Be						Bình Thuận	0	0%	Mẹ
3.3	Đặng Thị Tuyết Mai						Tiền Giang	0	0%	Vợ
3.4	Phạm Đăng Thiên						TP. Hồ Chí Minh	0	0%	Con

3.5	Phạm Đăng Thiên Di						TP. Hồ Chí Minh	0	0%	Con
3.6	Phạm Văn Nam						Bình Thuận	0	0%	Em
3.7	Phạm Thị Thu Thắng						Bình Thuận	0	0%	Em
3.8	Phạm Thị Thu Khải						Bình Thuận	0	0%	Em
4	Quách Bá Vương		UV HDQT	012175995	8/8/2013	Công an Hà Nội	P108, KTT G9, Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	0	0%	
4.1	Quách Văn Ngự						Xã Cao Xá, huyện Phong Châu, Phú Thọ	0	0%	Bố
4.2	Quách Thị Khang						Xã Cao Xá, huyện Phong Châu, Phú Thọ	0	0%	Mẹ
4.3	Quách Thị Mai						P105 – KTT E2 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Chị gái
4.4	Quách Huy Hồng						Số nhà 16, Ngõ Ao Sen 7, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Anh trai
4.5	Quách Tân Công							0	0%	Anh trai
4.6	Quách Thị Tố Nga						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Chị gái
4.7	Nguyễn Thị Thu Hiền						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Vợ
4.8	Quách Phú Trọng						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Con

4.9	Quách Nguyên Thảo						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Con
4.10	Quách Đức Thịnh						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Con
4.11	Công ty BOT cầu Việt Tri		Công ty liên kết	2600894271	25/11/2013	Sở KH&ĐT Phủ Thọ	Tổ 2, Phố Phong Châu, Phường Bạch Hạc, TP. Việt Trì, Phủ Thọ.			UVHĐ QT
4.12	Công ty CP Cầu 12 – ciencol		Công ty con	0100104651	1/10/20017	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	463 Nguyễn Văn Linh, P. Phúc Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội			Chủ tịch HDQT
5	Trần Đức Hòa		UVHĐQT	079075000190	8/01/2016	Công an TP. HCM	29 đường số 8, P. Duy Tân, Q7, TP. HCM	0	0%	
5.1	Trần Đức Ngộ						29 đường số 8, P. Duy Tân, Q7, TP. HCM	0	0%	Bố đẻ
5.2	Châu Thị Phụng						29 đường số 8, P. Duy Tân, Q7, TP. HCM	0	0%	Mẹ đẻ
5.3	Nguyễn Thùy Hương						29 đường số 8, P. Duy Tân, Q7, TP. HCM	0	0%	Vợ
5.4	Trần Đức Khải						29 đường số 8, P. Duy Tân, Q7, TP. HCM	0	0%	Con
5.5	Trần Đăng Khoa						29 đường số 8, P. Duy Tân, Q7, TP. HCM	0	0%	Con
5.6	Trần Đức Thuận							0	0%	Em trai
6	Vương Đức Thọ		UVHĐQT	012788081	12/4/2012	Công an Hà Nội	5/60 Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội.	5.600	0.008%	

6.1	Vương Đình Quý						Hòa Phong, Việt Trì, Phú Thọ	0	0%	Bố
6.2	Nguyễn Thị Tân						Hòa Phong, Việt Trì, Phú Thọ	0	0%	Mẹ
6.3	Cần Thị Hạnh						5/60 Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội.	85.900	0,1227%	Vợ
6.4	Vương Quốc An						5/60 Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội.	0	0%	Con
6.5	Vương Hạnh Nguyên						5/60 Linh Lang, Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội.	0	0%	Con
6.6	Vương Thị Phương Hạnh						Thanh Lương, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%	Em gái
6.7	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC		Công ty liên kết	0106605407	21/7/2014	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 2 Tháp CEO lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.			UV HĐQT
7	Đào Việt Tiến		Phó TGD	011996588	23/10/2003	Công an Hà Nội	P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	101.500	0,1450%	
7.1	Đào Văn Nhẫn						Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	0	0%	Bố
7.2	Trương Thị Linh						Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	0	0%	Mẹ
7.3	Đỗ Thị Nguyệt Quế						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Vợ
7.4	Đào Bảo Châu						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Con
7.5	Đào Nguyệt Hà						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Con
7.6	Đào Nguyên Bảo						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Con

7.7	Đào Việt Tân						P. Phúc Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	0	0%	Em
8	Đinh Văn Thanh		Tổng giám đốc	013549027	26/4/2012	Công an Hà Nội	Số 19 Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	0	0%	
8.1	Đinh Văn Bình						Hoàng Đạt, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	0	0%	Bồ dè
8.2	Nguyễn Thị Chiên						Hoàng Đạt, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	0	0%	Mẹ dè
8.3	Lâm Tuyết Hằng						Số 19 Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	0	0%	Vợ
8.4	Đinh Gia Nguyên						Số 19 Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	0	0%	Con
8.5	Đinh Lâm Nguyên						Số 19 Ngách 54/39 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	0	0%	Con
8.6	Đinh Văn Thủy						Hà Đông – Hà Nội	0	0%	Em trai
8.7	Đinh Văn Thành						SN20, 354/159/5 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, HN	2.500	0,0036%	Em trai
8.8	Công ty CP Cầu 12 – ciencol		Công ty con	0100104651	1/10/2007	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	463 Nguyễn Văn Linh, P. Phúc Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội			UV HĐQT
8.9	Công ty CP CKXD 121 – ciencol		Công ty con	0100104820	18/12/2008	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 2 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội			UV HĐQT
9	Đinh Ngọc Đan		Phó TGD	182136472	22/4/2006	Công an TP. Vinh	Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			

9.1	Đinh Tuấn Đức						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	Bố
9.2	Nguyễn Thị Bảy						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	Mẹ
9.3	Nguyễn Thị Ánh Tuyết						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	Vợ
9.4	Đinh Thị Hà Trang						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	Con
9.5	Đinh Ngọc Khôi						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	Con
9.6	Đinh Thị Thanh Bình						Nhà C2, P.Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An	0	0%	Chị gái
9.7	Đinh Thị Anh Đào						Khối 7, P.Lê Lợi, TP. Vinh, Nghệ An	0	0%	Chị gái
9.8	Đinh Thị Thu Ngọc						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	0	0%	Em gái
9.9	Công ty CP BOT đường tránh Thanh Hóa		Công ty liên kết	0101596854	14/1/2008	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 2, tháp The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.			UV HDQT
9.10	Công ty CP BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ		Công ty liên kết	0106607820	24/7/2014	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 6, Tòa nhà Minh Tâm, số 137C đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Hà Nội.			UV HDQT
10	Nguyễn Trường Long		Phó Tổng giám đốc	012654303	23/02/2013	Công an Hà Nội	2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	25.080	0,0358%	
10.1	Đỗ Thị Hệt						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Mẹ
10.2	Đinh Thị Tuyết						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Vợ

10.3	Nguyễn Thu Hà						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
10.4	Nguyễn Tuấn Trung						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
10.5	Nguyễn Đình Minh						Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình	0	0%	Anh
10.6	Nguyễn Đình Miến						Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình	0	0%	Em
11	Nguyễn Duy Thắng		Phó Tổng giám đốc	012300030	29/10/1999	Công an Hà Nội	411, TT Đài phát tin TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	6.600	0,0094%	
11.1	Nguyễn Thị Hán						511, TT Đài phát tin TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Mẹ
11.2	Vũ Thị Nha Trang						511, TT Đài phát tin TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Vợ
11.3	Nguyễn Duy Thành						511, TT Đài phát tin TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
11.4	Nguyễn Thanh Lương			Còn nhỏ				0	0%	
11.5	Nguyễn Thị Đức							0	0%	Chị
11.6	Nguyễn Thị Hải							0	0%	Em
11.7	Nguyễn Thị Minh Hà							0	0%	Em
11.8	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và XD Việt Nam		Công ty liên kết	0100987206	1/02/2000	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà đa năng, 169 Nguyễn Ngọc Vũ, P.Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.			UV HĐQT
11.9	Công ty CP Đầu tư Xây dựng – Ciencol		Công ty liên kết	0102973417	10/10/2008	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà 623 La Thành, Ba Đình, Hà Nội.			UV HĐQT

11.10	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		Công ty liên kết	0312432358	26/8/2013	Sở KH&ĐT TP HCM	Số 362/14 đường Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM			UV HĐQT
12	Lê Văn Long		Trưởng BKS	034070000071	15/07/2014	CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC	Số 96 Đinh Đông, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, HN.	38.180	0.0545%	
12.1	Lê Văn Toàn						Thái Bình	0	0%	Bố
12.2	Lê Thị Vân						Thái Bình	0	0%	Mẹ
12.3	Nguyễn Thị Mai Hương			012682910	21/03/2008	Công an Hà Nội	Số 96 Đinh Đông, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, HN.	0	0%	Vợ
12.4	Lê Đức Anh						Số 96 Đinh Đông, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, HN.	0	0%	Con
12.5	Lê Mai Anh						Số 96 Đinh Đông, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, HN.	0	0%	Con
12.6	Lê Công Phê						Thái Bình	0	0%	Em
12.7	Lê Thị Mai Lan						Thái Bình	0	0%	Em
12.8	Lê Mạnh Hùng						Thái Bình	0	0%	Em
12.9	Công ty CP phát triển ĐT&XD 115 – Ciencol		Công ty liên kết	5700100150	10/9/1998	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Phòng 1208 Nhà CT6 KĐT Văn Khê, Hà Đông.			UV HĐQT
13	Đỗ Thúy Anh		Thành viên BKS,	112060708	31/8/2011	Công an Hà Nội	Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội	0	0%	
13.1	Đỗ Khắc Thảo						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Bố
13.2	Nguyễn Thị Xuân						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Mẹ

13.3	Cần Huy Hoàng			111802594	6/7/2005	Công an Hà Nội	Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội	35.900	0,0513%	Chồng
13.4	Cần Minh Phát						Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội	0	0%	Con
13.5	Cần Minh Trí						Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội	0	0%	Con
13.6	Đỗ Thị Kim Oanh						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Em
13.7	Đỗ Anh Tuấn						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Em
13.8	Đỗ Kiên Giang						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội	0	0%	Em
14	Trần Thị Thu Huyền		Thành Viên BKS	012309884	7/06/2007	Công an Hà Nội	Nhà 57 hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	
14.1	Trần Bảo Toàn							0	0%	Bố đẻ
14.2	Nguyễn Thị Hà							0	0%	Mẹ đẻ
14.3	Trần Văn Tuyền						Nhà 57 hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Chồng
14.4	Trần Duy Anh						Nhà 57 hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Con
14.5	Trần Anh Thư						Nhà 57 hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Con
14.6	Trần Quang Năng							0	0%	Em trai
14.7	Trần Đức Tú							0	0%	Em trai

15	Nguyễn Văn Trung		GD Tài chính	012899842	29/8/2007	Công an Hà Nội	B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	
15.1	Nguyễn Văn Thiệu			013028351		Công an Hà Nội	B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Bố đẻ
15.2	Hoàng Thị Thu			012899841	29/8/2007	Công an Hà Nội	B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Mẹ đẻ
15.3	Nguyễn Thị Hà	009C00476 l mở tại VCBS		012835247	11/11/2005	Công an Hà Nội	B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Vợ
15.4	Nguyễn Thanh Kỳ			013112201	20/7/2008	Công an Hà Nội	Tập thể XN lắp máy 10-1 Trung Văn, Từ Liêm, HN	0	0%	Anh trai
15.5	Nguyễn Thị Thành			015173000065	06/07/2016	Cục CS ĐKQLCT &DLQG về DC	Số 3 đường 3 KP4, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0	0%	Em gái
15.6	Nguyễn Thị Thảo			186906112	05/06/2007	Công an Nghệ An	Thị trấn Chi Lăng, Chi Lăng, Lạng Sơn	0	0%	Em gái
15.7	Nguyễn Hà My			013322555	10/05/2012	Công an Hà Nội	B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Con gái
15.8	Nguyễn Linh Trang			017301000018	19/10/2015	Cục CS ĐKQLCT &DLQG về DC	B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Con gái
15.9	Nguyễn Trung Dũng			Còn nhỏ			B64 – TT9, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0%	Con trai

16	Võ Thành Công		Kế toán trưởng	001075002405	16/9/2014	CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC	17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	46.700	0,0667%	
16.1	Nguyễn Thị Hồng Phương						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Vợ
16.2	Võ Việt Hương						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
16.3	Võ Thiệu Hiền						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
16.4	Võ Duy Anh						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
16.5	Võ Hồng Tiến							0	0%	Anh
16.6	Võ Thăng Long							0	0%	Anh
16.7	Công ty CP XDGT và Thương mại 124		Công ty liên kết	0103010866	31/03/2006	Sở KH&DDTT P. Hà Nội	Km 12+500 xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội			UV HĐQT
16.8	Công ty CP công trình giao thông 118 - momota		Công ty liên kết	0101286002	14/01/2002	Sở KH&DDTT P. Hà Nội	421 Phan Bá Vành, TT Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội			Người đại diện vốn
17	Lê Văn Dân		Giám đốc chi nhánh – Công ty TCCGI	038074000039	27/02/2014	CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC	P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	44.900	0,0641%	
17.1	Lê Thị Bao						Đội 1, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa	0	0%	Mẹ
17.2	Phạm Thị Thanh Hương						P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	0	0%	Vợ

17.3	Lê Văn Dũng						P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	0	0%	Con
17.4	Lê Linh Chi						P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	0	0%	Con
17.5	Lê Thị Mai						Đội 9, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa	0	0%	Chị
17.6	Lê Văn Bình						Đội 1, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa	0	0%	Anh
17.7	Lê Thị Thân						Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa	0	0%	Chị
17.8	Lê Thị Hợi						Đội 9, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa	0	0%	Chị
18	Trần Trung Thành		Giám đốc Chi nhánh – Xí nghiệp Cầu 18	012537314	25/06/2009	Công an Hà Nội	Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội	165.700	0,2367%	
18.1	Trần Xuân Quyết			011509136	29/12/2009	Công an Hà Nội	Số nhà 22, Tổ 21, Sài Đông, Long Biên, Hà Nội	0	0%	Bố
18.2	Phạm Thị Minh			012496871	23/04/2002	Công an Hà Nội	Số nhà 22, Tổ 21, Sài Đông, Long Biên, Hà Nội	0	0%	Mẹ
18.3	Trần Thu Hiền			012516526	25/06/2009	Công an Hà Nội	Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội	0	0%	Vợ
18.4	Trần Xuân Hiếu						Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội	0	0%	Con
18.5	Trần Thành Trung						Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội	0	0%	Con
18.6	Trần Thanh Hương			012651744	26/10/2003	Công an Hà Nội	P1608R4 Royalcity- 72 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	0	0%	Em

18.7	Trần Thị Huệ			013099573	24/07/2008	Công an Hà Nội	Số 10 Vũ Xuân Thiều, Tổ 21 P.Phủ Lợi, Q.Long Biên, Hà Nội	0	0%	Em
19	Đồng Xuân Trường		Giám đốc Chi nhánh – Xí nghiệp XDCT1	36076000031	01/7/2013	Công an Hà Nội	Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.	61.900	0,0884%	
19.1	Đồng Văn Chiêu						Số 47D, Ngõ 766 Đê La Thành, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Bố
19.2	Hoàng Thị Hồng						Số 47D, Ngõ 766 Đê La Thành, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Mẹ
19.3	Đồng Thị Hương Huyền						P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Em
19.4	Đồng Bình Chính						Số 47D, Ngõ 766 Đê La Thành, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Em
19.5	Lê Thị Anh Đào						Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Vợ
19.6	Đồng Ngọc Linh						Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Con
19.7	Đồng Khánh Linh						Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.	0	0%	Con
20	Đỗ Hoàng Lê		Giám đốc Chi nhánh – Công ty cung ứng LDQT&DV	012208654	22/03/2014	Công an Hà Nội	P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	15.700	0,0224%	
20.1	Lê Thanh Bình			011976699	15/11/1996	Công an Hà Nội	Số 16 Nguyễn Du, P.Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%	Bố
20.2	Hoàng Thị Tuyết			011976698	18/10/1996	Công an Hà Nội	Số 16 Nguyễn Du, P.Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%	Mẹ

20.3	Trần Thị Thu Hiền			012515909	22/12/2007	Công an Hà Nội	P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Vợ
20.4	Đỗ Phương Anh						P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
20.5	Đỗ Bảo Châu						P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0%	Con
20.6	Đỗ Thị Kim Thu			011915318	13/10/2010	Công an Hà Nội	Số 13, Ngõ Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%	Chị
20.7	Đỗ Thị Kim Thanh			150016014		Công an Thái Bình	Số 5, P.Bồ Xuyên, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình	0	0%	Chị
20.8	Đỗ Quang Tảo			012620615	05/08/2003	Công an Hà Nội	Số 5, Trương Hán Siêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	0%	Anh
20.9	Đỗ Thị Mai Phương			010566755	05/08/2003	Công an Hà Nội	Số 23, Ngõ 62 Nguyễn Viết Xuân, Thanh Xuân, Hà Nội.	0	0%	Chị
21	Nguyễn Văn Hoàn		Giám đốc Chi nhánh – Hiệu trưởng Trường TCN công trình 1	001059000756	05/05/2014	CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	P905CT4ĐN2 KĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	8.000	0,0114%	
21.1	Nguyễn Văn Ngoạn						Thần Quí, Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	0	0%	Bố
21.2	Vũ Thị Hiền						Thần Quí, Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	0	0%	Mẹ
21.3	Nguyễn Thị Quyền			012486387		Công an Hà nội	P905CT4ĐN2 KĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Vợ
21.4	Nguyễn Cảnh Toàn			012486400		Công an Hà nội	P905CT4ĐN2 KĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
21.5	Nguyễn Thị Hằng			012486404		Công an Hà nội	KĐT Mỹ Đình – Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
21.6	Nguyễn Văn Ngoạn						KĐT Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Anh

[illegible]

23.7	Đặng Hữu Thọ							0	0%	Anh
23.8	Đặng Hữu Khang							0	0%	Anh
23.9	Đặng Hữu Lệ							0	0%	Em
24	Nguyễn Tiến Hùng		Giám đốc Chi nhánh Tây Nguyên	030075000089	01/10/2014	CCS ĐKQL cư trú & DLQG về ĐC	Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	16.300	0,0233%	
24.1	Quách Thị Thiệp						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Mẹ
24.2	Đàm Thị Nguyệt Ánh						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Vợ
24.3	Nguyễn Đàm Linh Nga						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
24.4	Nguyễn Đàm Linh Chi						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
24.5	Công ty CP Tư vấn ĐT XDCTI- Cienco1		Công ty liên kết	6000427868	7/11/2002	Sở KH&ĐT Đăklắk	5/8 Cù Chính Lan, TP. Buôn Mê Thuột – Đắk Lắk			Chủ tịch HDQT
25	Lê Huy Hùng		Giám đốc Chi nhánh – Xí nghiệp Cầu 17	011817989	6/04/2011	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội	50.500	0,0721%	
25.1	Lê Minh Thắng			010034728	27/7/2004	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Bố
25.2	Vương Thị Đường			011970811	10/9/2012	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Mẹ
25.4	Cao Thanh Thủy			011833239	13/4/2009	Công an Hà Nội	Số 42, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Vợ

25.5	Lê Thu An						Số 42, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Con
25.6	Lê Thu Linh						Số 42, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Con
25.7	Lê Thị Tuyết Mai			112405827	22/7/2011	Công an Hà Nội	Cụm 4, TT Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	0	0%	Chị
25.8	Lê Quốc Tuấn						CHLB Đức	0	0%	Anh
25.9	Lê Thị Thanh Phương			001174004842	22/6/2015	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội	0	0%	Chị
26	Trần Anh Dũng		Giám đốc Chi nhánh – Công ty XD 123	011857547	22/8/2007	Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	84.000	0.12%	
26.1	Trần Quyết Chiến			011389138	9/11/2011	Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0%	Bố đẻ
26.2	Vũ Thị Phương			010255357	12/11/2011	Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0%	Mẹ đẻ
26.3	Nguyễn Thị Quỳnh Vân			011577824	11/8/2005	Công an Hà Nội	1C-K1 TT Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, HN	0	0%	Vợ
26.4	Trần Minh Anh					Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0%	Con
26.5	Trần Minh Quang						1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0%	Con
26.6	Trần Thị Thu Hương			011932816	7/3/2011	Công an Hà Nội	Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0%	Em gái

2. Giao dịch cổ phiếu: Không

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
I	Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan						
1	Trần Anh Dũng		0	0%	84.000	0,1200%	Mua
2	Nguyễn Tiến Hùng		6.300	0,0090%	16.300	0,0233%	Mua
II	Giao dịch của các cổ đông lớn						
1	Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm Fecon	Cổ đông CL	7.000.000	10%	0	0%	Bán
2	Công ty TNHH Thiết bị XD Hồng Hà	Cổ đông lớn	17.213.552	24,59%	0	0%	Bán
3	Công ty cổ phần hạ tầng Fecon	Cổ đông lớn	4.767.694	6,81%	0	0%	Bán
4	Công ty CP An Hiền	Cổ đông lớn	0	0%	17.213.552	24,59%	Mua
5	Công ty CP Đầu tư Cái Mép	Cổ đông lớn	0	0%	11.767.694	16,81%	Mua

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT	10 - 50



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/02/2017
Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch	Thời giữ chức vụ ngày 13/01/2017
	Thành viên	Từ ngày 13/01/2017
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Đức Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Phạm Việt Khoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Quách Bá Vương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Vương Đức Thọ	Thành viên	
Ông Đào Việt Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đinh Văn Thanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Đinh Ngọc Đan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Thành Công	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Long	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thúy Anh	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Vũ Việt Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có bất cứ sự kiện quan trọng nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về Quy định Quản trị Tổng Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 12/4/2017, trình bày từ trang 06 đến trang 50 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của các Công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 975/VN1A-HN-BC ngày 05/05/2016.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 1226-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 2334-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.814.292.911.214	3.935.546.961.890
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	325.685.433.561	311.945.632.907
Tiền	111		275.463.544.304	207.432.134.749
Các khoản tương đương tiền	112		50.221.889.257	104.513.498.158
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.205.000.000	23.818.679.809
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.205.000.000	23.818.679.809
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.501.524.909.424	2.504.786.839.503
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.631.369.096.306	1.858.493.457.617
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		280.881.787.510	348.751.458.032
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	247.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	404.127.757.739	306.125.759.813
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(61.853.732.131)	(58.583.835.959)
Hàng tồn kho	140	6	946.612.742.698	1.062.805.070.877
Hàng tồn kho	141		947.411.505.437	1.062.805.070.877
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(798.762.739)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.264.825.531	32.190.738.794
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.220.062.232	6.165.916.044
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.136.820.616	24.223.347.648
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	15.907.942.683	1.801.475.102
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		678.520.364.064	714.826.959.862
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.282.452.014	565.331.700
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	104.687.000	104.687.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	6.177.765.014	460.644.700
Tài sản cố định	220		169.382.257.100	206.359.032.327
Tài sản cố định hữu hình	221	12	156.136.132.498	192.830.910.882
- Nguyên giá	222		579.995.438.297	614.107.364.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(423.859.305.799)	(421.276.453.778)
Tài sản cố định vô hình	227	11	13.246.124.602	13.528.121.445
- Nguyên giá	228		15.468.389.968	15.468.389.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.222.265.366)	(1.940.268.523)
Tài sản dở dang dài hạn	240		683.865.765	286.156.874
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		683.865.765	286.156.874
Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.978.715.323	421.941.394.285
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	161.200.229.492	150.590.272.847
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	14	258.778.485.831	271.351.121.438
Tài sản dài hạn khác	260		82.193.073.862	85.675.044.676
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	76.046.597.304	79.376.001.417
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.129.677.279	2.851.272.654
Lợi thế thương mại	269		3.016.799.279	3.447.770.605
TỔNG TÀI SẢN	270		4.492.813.275.278	4.650.373.921.752

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.672.028.757.049	3.807.621.877.615
Nợ ngắn hạn	310		3.526.667.897.527	3.516.318.326.000
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.701.862.952.751	1.863.304.083.861
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		580.101.419.669	571.071.052.198
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	191.399.821.168	204.580.727.842
Phải trả người lao động	314		75.672.012.954	88.535.890.330
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	80.996.443.649	155.080.239.186
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.267.271.825	14.266.982.797
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	368.336.366.452	308.762.386.142
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	504.717.047.340	273.966.144.186
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	1.446.267.160	33.005.973.446
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.868.294.559	3.744.846.012
Nợ dài hạn	330		145.360.859.522	291.303.551.615
Phải trả người bán dài hạn	331	15	3.213.668.701	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	15.535.296.183	19.007.142.889
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	108.028.207.854	239.570.503.257
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	18.583.686.784	32.725.905.469
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	820.784.518.229	842.752.044.137
Vốn chủ sở hữu	410		820.784.518.229	842.752.044.137
Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	100.519.210
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.693.323.260	13.247.055.412
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.497.187.585	2.175.365.531
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.091.407.023	72.604.419.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.605.777.248)	(1.087.431.475)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49.697.184.271	73.691.851.332
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		52.402.081.151	54.624.684.127
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.492.813.275.278	4.650.373.921.752



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	3.451.558.592.368	5.788.937.425.078
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	19.711.508.636	286.569.241
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.431.847.083.732	5.788.650.855.837
Giá vốn hàng bán	11	24	3.227.334.677.522	5.395.264.118.120
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		204.512.406.210	393.386.737.717
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	118.096.393.523	71.534.171.704
Chi phí tài chính	22	26	61.915.177.972	46.990.640.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.673.155.823	36.840.203.085
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(20.017.636.331)	(72.670.208.788)
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	185.496.263.949	225.725.682.262
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.179.721.482	119.534.377.445
Thu nhập khác	31	29	40.498.996.741	17.481.960.294
Chi phí khác	32	30	20.762.693.700	23.044.262.858
Lợi nhuận khác	40		19.736.303.041	(5.562.302.564)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.916.024.523	113.972.074.881
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.351.343.103	28.129.306.626
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(278.404.626)	(2.851.272.654)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.843.086.045	88.694.040.909
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		49.697.184.271	76.754.787.227
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.145.901.774	11.939.253.682
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	647	1.019



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		74.916.024.523	113.972.074.881
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.145.506.242	50.842.581.448
Các khoản dự phòng	03		(41.633.266.060)	(4.145.624.073)
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.162.208.599	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(44.304.498.672)	(41.334.347.092)
Chi phí lãi vay	06		50.673.155.823	36.840.203.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85.959.130.455	156.174.888.249
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		176.634.487.705	(145.775.565.096)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		115.393.565.440	(79.913.275.218)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(178.721.621.569)	(522.746.889.914)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		6.275.257.925	7.730.617.012
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.594.668.600)	(42.457.650.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.778.253.357)	(34.860.668.624)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.164.776.341
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.380.395.311)	(6.711.990.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		127.787.502.688	(667.395.758.541)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.883.561.509)	(20.112.121.274)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.184.205.091	690.842.422
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(197.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.613.679.809	157.876.177.573
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(41.228.026.000)	(191.560.380.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.598.373.771	89.006.663.187
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.270.710.780	28.342.713.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(162.444.618.058)	14.243.895.362
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		813.837.132.506	933.416.413.865
Tiền trả nợ gốc vay	34		(714.628.524.755)	(740.658.306.918)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.169.782.300)	(74.038.928.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		49.038.825.451	118.719.178.947
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.381.710.081	(534.432.684.232)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	311.945.632.907	846.678.829.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(641.909.427)	(300.512.276)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	325.685.433.561	311.945.632.907



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động với hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 06 năm 2016.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty là: 700.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng chẵn./.*) chia thành 70.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên đơn vị	Mô tả
1	Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 509/TCCB-LĐ của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2001 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
2	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP tại thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 605/HĐQT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 4 tháng 12 năm 1999 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
3	Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2214/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
4	Chi nhánh Tây Nguyên - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 1084/QĐ-HĐTV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
5	Xí nghiệp Cầu 17 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0476/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 3 tháng 11 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
6	Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0418/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 30 tháng 9 năm 2011 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
7	Xí nghiệp Xây dựng Công trình Ciencol - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0444/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 08 tháng 10 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
8	Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 0747/QĐ-HĐTV-TCT của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 15 tháng 11 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty
9	Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP	Được thành lập theo Quyết định số 2059/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất trong báo cáo này tại ngày 31/12/2016 như sau:

STT	Tên Công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cầu 12 - Cienco 1	50,60	50,60	Xây dựng công trình cầu đường
2	Công ty CP Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	51,00	51,00	Xây dựng dân dụng

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng Công trình 1	49	49	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty CP Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	21	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty CP Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	25	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
4	Công ty CP Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	48	48	Xây dựng đường bộ
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 125	49	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
6	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công trình 128 - Cienco 1	48	48	Xây dựng đường bộ
7	Công ty CP Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	45	45	Xây dựng công trình giao thông
8	Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	20	20	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	26	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
10	Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (C1C)	44	44	Xây dựng dân dụng
11	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 (*)	55	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Nam	20	20	Tư vấn thiết kế cầu đường
13	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	25	25	Xây dựng dân dụng
14	Công ty CP Sản xuất Vật liệu và Xây dựng công trình 1	33	33	Sản xuất vật liệu xây dựng
15	Công ty CP Xi măng Mai Sơn	24	24	Sản xuất xi măng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

(*) Tại 31/12/2016, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 là 55% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào Công ty này như một khoản đầu tư vào công ty liên kết.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các sổ dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm các giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Tổng Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

3.2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu bao gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo. Đối với các khoản công nợ của các công trình chưa được xác nhận do chủ đầu tư chưa quyết toán xong, Tổng Công ty ghi nhận công nợ theo giá trị thực tế phát sinh và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của Tổng Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua Công ty con đó.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ tiềm tàng được ghi nhận

3.7 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các Quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Trong trường hợp một Công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào Công ty liên kết đã được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.8 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa được khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình. Giá trị xây lắp dở dang được xác định mang tính ước tính.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định, không điều chỉnh số khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao hàng năm tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng trong 50 năm được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất được thể hiện theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm.

Phần mềm máy tính: Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

3.13 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN CỦA ĐƠN VỊ KHÁC

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3.14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.15 DỰ PHÒNG BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Tổng Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả của Tổng Công ty phản ánh giá trị các khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong năm. Giá trị bảo hành công trình được ước tính dựa trên cam kết với khách hàng về bảo hành công trình. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm. Khi hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch phải hoàn nhập. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày kết thúc năm tài chính.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành đối với một số công trình xây lắp với tổng doanh thu lũy kế khoảng 1.446 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi tỷ lệ trích lập dự phòng sẽ phản ánh đúng trách nhiệm bảo hành, sửa chữa của Tổng Công ty tại các công trình này. Nếu tỷ lệ dự phòng bảo hành công trình năm trước được tiếp tục sử dụng, giá vốn hoạt động xây lắp trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 sẽ tăng lên với số tiền khoảng 24 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng (chi tiết tại thuyết minh số 3.17).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận chi phí

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Đối với giá vốn của các công trình xây lắp được ghi nhận căn cứ trên chi phí đã phát sinh để thực hiện phần công việc đã được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán và phù hợp doanh thu đã ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

Doanh thu xây dựng được xác định khi công trình đã hoàn thành, có quyết toán, bàn giao cho khách hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán. Đối với những công trình có nhiều hạng mục, doanh thu được ghi nhận cho từng hạng mục (hoặc phần công việc) đã hoàn thành trên cơ sở Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của chủ đầu tư hoặc theo số tiền nhận được từ khách hàng.

3.18 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 của Quốc hội về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp” và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được Tổng Công ty áp dụng trong năm 2016 là 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên Kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ được xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ (nếu có) cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.22 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.23 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.23 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.24 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được Báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Trong năm, Tổng Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 22 và số 24.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Tổng Công ty thực hiện dịch vụ thi công xây lắp các công trình chủ yếu ở các thị trường phía Bắc, khu vực thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nguyên. Trong năm, Tổng Công ty có thực hiện dịch vụ xây lắp tại thị trường Campuchia có doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Hầu như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	16.047.059.407	24.207.119.682
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.416.484.897	183.225.015.067
Các khoản tương đương tiền (*)	50.221.889.257	104.513.498.158
	325.685.433.561	311.945.632.907

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.631.369.096.306	1.858.493.457.617
- BQL Dự án đường Hồ Chí Minh	136.863.567.000	126.366.608.000
- Công ty Liên danh GS - Hanshin	113.196.480.652	140.470.945.544
- BQL Dự án 2- Gói thầu PK1C- Quốc lộ 3	109.656.747.511	127.869.330.790
- Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 02	78.056.416.364	162.110.677.348
- BQL Dự án Xây dựng Giao thông Bắc Ninh - cầu vượt Sông Đuống	34.309.309.001	32.284.667.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.159.286.575.778	1.269.391.228.935
Phải thu của khách hàng dài hạn	104.687.000	104.687.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	104.687.000	104.687.000
	1.631.473.783.306	1.858.598.144.617
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	44.803.033.558	19.979.429.094

(Chi tiết kèm theo tại Thuyết minh số 34)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	24.297.178	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.472.973.476	-	38.447.591.885	-
Công cụ, dụng cụ	1.149.295.008	-	1.108.763.283	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	912.458.142.265	(798.762.739)	1.021.158.721.551	-
Thành phẩm	331.094.688	-	1.537.047.117	-
Hàng hóa	-	-	528.649.863	-
	947.411.505.437	(798.762.739)	1.062.805.070.877	-

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. NỢ XẤU

	31/12/2016				01/01/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	VND	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	70.340.053.807	(61.853.732.131)	8.486.321.676		63.461.778.204	(58.583.835.959)	4.877.942.245	
+ Ban QLDA Đầu tư Xây dựng số 1 Thành phố Phú Lý - Công trình Cầu Châu Giang (TK 131)	12.915.789.003	(6.457.894.502)	6.457.894.501		-	-	-	
+ Ban QLDA Giao thông trọng điểm - Dự án Cầu Bản Xá (TK 131)	4.056.854.350	(2.028.427.175)	2.028.427.175		-	-	-	
+ Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Công chính (TK131)	-	-	-		8.638.708.000	(4.319.354.000)	4.319.354.000	
+ Công ty CP Xi măng Mai Sơn (TK 131 và 331)	14.808.588.245	(14.808.588.245)	-		14.808.588.245	(14.250.000.000)	558.588.245	
+ Công ty Hợp danh Xây dựng nhà Quảng Nam Đà Nẵng + Ban QLDA cầu Sông Hàn (TK 131)	2.718.280.357	(2.718.280.357)	-		2.718.280.357	(2.718.280.357)	-	
+ Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 116 - Ciencol (TK 131)	2.038.834.830	(2.038.834.830)	-		2.038.834.830	(2.038.834.830)	-	
+ Ban điều hành Cầu Khê Hôi (TK 131)	2.047.309.600	(2.047.309.600)	-		2.047.309.600	(2.047.309.600)	-	
+ Ban QLDA Liên doanh 18 (TK 131)	2.323.935.827	(2.323.935.827)	-		2.323.935.827	(2.323.935.827)	-	
+ Các đối tượng khác (TK 131, 138 và 331)	29.430.461.595	(29.430.461.595)	-		30.886.121.345	(30.886.121.345)	-	
	70.340.053.807	(61.853.732.131)	8.486.321.676		63.461.778.204	(58.583.835.959)	4.877.942.245	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	404.127.757.739	(4.302.050.162)	306.125.759.813	(4.302.050.162)
- Phải thu về Cổ phần hóa	4.807.075.831	-	10.702.477.213	-
- Phải thu lãi tiền gửi tiền cho vay	-	-	45.354.167	-
- Phải thu người lao động	12.674.837.847	-	51.356.950.144	-
- Phải thu Tổ đội thi công và Ban điều hành	180.431.191.367	-	154.061.452.253	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	26.552.323.978	-	12.955.293.016	-
- Phải thu khác	179.662.328.716	(4.302.050.162)	77.004.233.020	(4.302.050.162)
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	8.298.604.188	-	8.298.604.188	-
+ Công ty TNHH Hall Brothers International	6.900.649.188	-	-	-
+ Lao động Macxedonia	2.859.422.800	(2.859.422.800)	2.859.422.800	(2.859.422.800)
+ Phải thu tiền bảo hiểm	2.374.485.250	-	-	-
+ Điều chỉnh Khố lượng các đơn vị thi công hạng mục: đập tràn AK	7.724.433.436	-	7.724.433.436	-
+ Điều chỉnh Khu phụ trợ cụm An Khê AK-KN	1.425.714.000	-	-	-
+ Công ty CP TM Nước giải khát Khánh An	8.920.000.000	-	-	-
+ Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân	1.982.371.119	-	1.988.918.108	-
+ Phải thu tạm ứng công trình, cá nhân công ty đã nghỉ việc	9.837.550.259	-	9.778.794.339	-
+ Công ty CP Đầu tư Cái Mép	105.972.121.974	-	30.000.000.000	-
+ Các khoản khác	23.366.976.502	(1.442.627.362)	16.354.060.149	(1.442.627.362)
Dài hạn	6.177.765.014	-	460.644.700	-
- Ký cược, ký quỹ	6.177.765.014	-	460.644.700	-
	410.305.522.753	(4.302.050.162)	306.586.404.513	(4.302.050.162)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn (1)	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần An Hiền (2)	97.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Bình (3)	100.000.000.000	-
	247.000.000.000	50.000.000.000

(1) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn (Bộ Quốc Phòng) (phát sinh tại Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP) cho vay theo Công văn số 318/2015/CV-TS ngày 23/11/2015 để thực hiện thỏa thuận liên danh, tham dự gói thầu xây lắp XL-01 thuộc Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm trả nợ gốc.

(2) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần An Hiền (phát sinh tại Tổng Công ty) theo hợp đồng cho vay tháng 09 năm 2016. Theo đó, hạn mức cho vay tối đa 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các công trình. Tài sản đảm bảo: nguồn thu từ các hợp đồng mà bên vay đang thực hiện và sẽ thực hiện trong thời gian tới. Lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm trả nợ gốc.

(3) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Bình (phát sinh tại Tổng Công ty) theo hợp đồng cho vay tháng 12 năm 2016. Theo đó, hạn mức cho vay tối đa 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các công trình. Tài sản đảm bảo: nguồn thu từ các hợp đồng mà bên vay đang thực hiện và sẽ thực hiện trong thời gian tới. Lãi suất thỏa thuận theo từng thời điểm trả nợ gốc.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	3.220.062.232	6.165.916.044
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.349.600.988	2.184.943.934
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	870.461.244	3.980.972.110
Dài hạn	76.046.597.304	79.376.001.417
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	67.721.057.172	48.917.772.677
- Chi phí thuê mặt bằng, tài sản	-	5.236.259.334
- Chi phí trả trước dài hạn khác	8.325.540.132	25.221.969.406
	79.266.659.536	85.541.917.461

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
 Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công,
 Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2016	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
31/12/2016	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2016	1.182.014.523	758.254.000	1.940.268.523
- Khấu hao trong năm	281.996.843	-	281.996.843
31/12/2016	1.464.011.366	758.254.000	2.222.265.366
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2016	13.528.121.445	-	13.528.121.445
31/12/2016	13.246.124.602	-	13.246.124.602

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 758.254.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2016	137.448.967.655	369.238.534.697	97.340.431.050	7.680.253.937	2.399.177.321	614.107.364.660
- Mua trong năm	-	13.189.926.091	23.579.891	240.983.000	31.363.636	13.485.852.618
- Tăng khác	-	492.368.688	655.364.419	-	-	1.147.733.107
- Phân loại lại	-	(257.772.724)	276.214.373	(18.441.649)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(17.416.045.964)	(8.231.489.326)	(44.090.909)	-	(25.691.626.199)
- Giảm do thoái vốn	(2.363.594.109)	(7.279.287.607)	(10.163.382.075)	-	(197.185.042)	(20.003.448.833)
- Giảm khác	-	-	(2.794.240.000)	(256.197.056)	-	(3.050.437.056)
31/12/2016	135.085.373.546	357.967.723.181	77.106.478.332	7.602.507.323	2.233.355.915	579.995.438.297
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2016	74.492.316.240	271.230.419.091	67.498.674.882	6.345.057.072	1.709.986.493	421.276.453.778
- Khấu hao trong năm	6.147.982.840	22.436.080.531	7.989.956.786	580.434.192	278.083.724	37.432.538.073
- Tăng khác	-	488.226.178	655.364.419	-	-	1.143.590.597
- Phân loại lại	(547.684.852)	293.115.372	342.535.857	(87.966.377)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.597.321.307)	(8.014.589.787)	(41.714.896)	-	(22.653.625.990)
- Giảm do thoái vốn	(1.202.524.622)	(4.978.400.583)	(6.592.965.213)	-	(171.363.202)	(12.945.253.620)
- Giảm khác	-	-	(138.418.370)	(255.978.669)	-	(394.397.039)
31/12/2016	78.890.089.606	274.872.119.282	61.740.558.574	6.539.831.322	1.816.707.015	423.859.305.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2016	62.956.651.415	98.008.115.606	29.841.756.168	1.335.196.865	689.190.828	192.830.910.882
31/12/2016	56.195.283.940	83.095.603.899	15.365.919.758	1.062.676.001	416.648.900	156.136.132.498

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016: 245.298.887.402 đồng.
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 15.331.216.544 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty liên kết	31/12/2016				01/01/2016			
		Giá gốc khoản đầu tư		Tăng giảm do biến động tài sản thuần lũy kế		Giá gốc khoản đầu tư		Tăng giảm do biến động tài sản thuần lũy kế	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Công ty CP Xây dựng Công trình 1	4.900.000.000	(4.900.000.000)	-	-	4.900.000.000	(4.900.000.000)	-	-
2	Công ty CP Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco1	1.263.234.000	(518.314.022)	744.919.978	-	1.263.234.000	(518.314.022)	744.919.978	-
3	Công ty CP Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119- Cienco1	586.812.929	(586.812.929)	-	-	586.812.929	(586.812.929)	-	-
4	Công ty CP Xây dựng Giao thông & Thương mại 124	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-	-	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-	-
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 125	1.715.000.000	(1.715.000.000)	-	-	1.715.000.000	(1.715.000.000)	-	-
6	Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Công trình 128- Cienco 1	6.214.309.449	(227.232.404)	5.987.077.045	-	6.214.309.449	(227.232.404)	5.987.077.045	-
7	Công ty CP Xây dựng Công trình 15-cienco1	4.500.000.000	(4.500.000.000)	-	-	4.500.000.000	(4.500.000.000)	-	-
8	Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	48.532.400.000	(18.454.945.168)	30.077.454.832	-	45.532.400.000	(903.195.142)	44.629.204.858	-
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	49.400.000.000	(2.709.557.041)	46.690.442.959	-	49.400.000.000	(915.076.586)	48.484.923.414	-
10	Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Cienco1 (CIC)	2.350.000.000	(824.651.282)	1.525.348.718	-	2.350.000.000	(690.268.546)	1.659.731.454	-
11	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình 1	2.770.727.287	(469.724.232)	2.301.003.055	-	2.770.727.287	(116.698.084)	2.654.029.203	-
12	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình 1	2.641.303.364	275.916.786	2.917.220.150	-	2.641.303.364	337.183.236	2.978.486.600	-
13	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC	70.000.000.000	40.482.947	70.040.482.947	-	40.000.000.000	163.213.462	40.163.213.462	-
14	Công ty CP Sản xuất Vật liệu & Xây dựng công trình 1	2.571.000.000	(1.654.720.192)	916.279.808	-	2.571.000.000	(1.654.720.192)	916.279.808	-
15	Công ty CP Xi măng Mai Sơn.	57.494.028.490	(57.494.028.490)	-	-	57.494.028.490	(57.494.028.490)	-	-
16	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1	-	-	-	-	1.809.942.987	562.464.038	2.372.407.025	-
- Cienco 1		-	-	-	-	-	-	-	-
		262.138.815.519	(100.938.586.027)	161.200.229.492	-	230.948.758.506	(80.358.485.659)	150.590.272.847	-

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên đơn vị	31/12/2016			01/01/2016		
		Giá gốc khoản đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc khoản đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Anphanam	4.025.905.831	-	4.025.905.831	4.025.905.831	-	4.025.905.831
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 134	-	-	-	5.823.411.406	-	5.823.411.406
3	Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	85.500.000.000	-	85.500.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000
4	Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	148.172.580.000	-	148.172.580.000	148.172.580.000	-	148.172.580.000
5	Công ty TNHH BOT Đường tránh Thanh Hoá	21.050.000.000	-	21.050.000.000	21.050.000.000	-	21.050.000.000
6	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông I	-	-	-	5.348.575.013	-	5.348.575.013
7	Công ty TNHH Hall Brothers International	-	-	-	6.900.649.188	-	6.900.649.188
8	Đầu tư dài hạn khác	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000
		258.778.485.831	-	258.778.485.831	271.351.121.438	-	271.351.121.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.701.862.952.751	1.701.862.952.751	1.863.304.083.861	1.863.304.083.861
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ & Thương mại 68	40.695.721.567	40.695.721.567	21.905.906.915	21.905.906.915
- Công ty TNHH Thương mại Thành An	13.351.002.200	13.351.002.200	45.247.421.000	45.247.421.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý Đường Sắt Hà Ninh	12.802.588.286	12.802.588.286	3.989.491.741	3.989.491.741
- Công ty TNHH Petrolimex Việt Nam	14.195.741.678	14.195.741.678	19.195.741.678	19.195.741.678
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	18.915.803.595	18.915.803.595	18.820.772.412	18.820.772.412
- Công ty CP Thương mại Thái Hưng	28.676.732.260	28.676.732.260	19.273.437.095	19.273.437.095
- Các đối tượng khác	1.573.225.363.165	1.573.225.363.165	1.734.871.313.020	1.734.871.313.020
Dài hạn	3.213.668.701	3.213.668.701	-	-
- Các đối tượng khác	3.213.668.701	3.213.668.701	-	-
	1.705.076.621.452	1.705.076.621.452	1.863.304.083.861	1.863.304.083.861

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết kèm theo thuyết minh số 34)

- - 2.463.918.682 2.463.918.682

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do thoái vốn	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp					
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	141.061.784.794	210.940.803.944	196.944.323.404	(435.374.015)	154.622.891.319
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.346.362	15.346.362	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.003.065.612	18.466.298.894	28.778.253.357	(46.828.372)	21.644.282.777
- Thuế thu nhập cá nhân	4.148.895.790	4.603.182.873	4.893.624.706	(2.997.465)	3.855.456.492
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	6.850.964.084	1.221.540.322	5.177.830.627	-	2.894.673.779
- Các loại thuế khác	5.950.838.467	168.939.957	1.518.451.279	-	4.601.327.145
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.565.179.095	2.652.836.198	11.716.053.787	(1.720.771.850)	3.781.189.656
	204.580.727.842	238.068.948.550	249.043.883.522	(2.205.971.702)	191.399.821.168
	01/01/2016	Số được khấu trừ/ phải thu trong năm	Số đã khấu trừ/ số thực thu trong năm	Giảm do thoái vốn	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu					
- Thuế giá trị gia tăng (*)	1.323.991.657	21.647.574.011	6.882.462.719	-	15.905.905.381
- Thuế xuất nhập khẩu	84.592.651	84.592.651	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	392.890.794	-	392.890.794	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	37.302	-	-	37.302
- Các loại thuế khác	-	2.000.000	-	-	2.000.000
	1.801.475.102	21.734.203.964	7.275.353.513	-	15.907.942.683

(*) Thuế giá trị gia tăng được hoàn của các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	54.674.867.345	125.925.000.404
- Chi phí lãi vay phải trả	19.612.486.839	16.533.999.616
- Phí bảo lãnh ngân hàng	6.472.780.479	3.363.781.537
- Chi phí phải trả khác	236.308.986	9.257.457.629
	80.996.443.649	155.080.239.186

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	368.336.366.452	308.762.386.142
- Kinh phí công đoàn	2.619.987.684	1.907.730.673
- Phải trả Cơ quan bảo hiểm, KPCĐ	61.596.453.438	44.014.156.311
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	16.344.345.756
- Phải trả về cổ phần hóa	29.165.000	14.279.585.607
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	304.090.760.330	232.216.567.795
+ Phải trả về xây dựng khách sạn Sơn La (*)	63.835.416.156	62.442.476.156
+ Cầu Sê kong - Lào	12.657.654.899	13.112.796.568
+ Phải trả cổ tức	15.705.297.700	-
+ Phải trả tiền bảo hành công trình	94.599.802.420	63.872.703.397
+ Lương phải trả thuyền viên biển xa	17.094.767.484	16.344.345.756
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.197.821.671	76.444.245.918
Dài hạn	15.535.296.183	19.007.142.889
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.246.221.000	14.877.699.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.289.075.183	4.129.443.389
	383.871.662.635	327.769.529.031

(*) Phải trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La liên quan đến việc mua lại diện tích tầng hầm và 5 mặt sân của dự án Khách sạn Sơn La theo Hợp đồng mua bán được ký kết giữa Tổng Công ty và Ngân hàng ngày 13/04/2010. Đến thời điểm hiện tại, công trình này vẫn đang được Tổng Công ty thực hiện thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VAY VÀ CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	504.717.047.340	504.717.047.340	882.529.268.680	651.778.365.526	273.966.144.186	273.966.144.186
Các khoản vay ngắn hạn	406.721.183.762	406.721.183.762	784.533.405.102	641.723.130.526	263.910.909.186	263.910.909.186
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (1)	13.466.989.465	13.466.989.465	24.336.128.578	21.158.458.234	10.289.319.121	10.289.319.121
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	101.754.634.364	101.754.634.364	183.071.576.331	113.233.261.589	31.916.319.622	31.916.319.622
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	139.638.876.097	139.638.876.097	238.573.415.402	156.960.373.595	58.025.834.290	58.025.834.290
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (4)	62.063.444.663	62.063.444.663	99.818.272.623	71.101.552.128	33.346.724.168	33.346.724.168
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (5)	25.010.898.605	25.010.898.605	54.113.369.966	72.899.917.245	43.797.445.884	43.797.445.884
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	60.141.313.735	60.141.313.735	177.960.642.202	199.607.762.889	81.788.434.422	81.788.434.422
- Vay cá nhân (7)	4.645.026.833	4.645.026.833	6.660.000.000	6.761.804.846	4.746.831.679	4.746.831.679
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	97.995.863.578	97.995.863.578	97.995.863.578	10.055.235.000	10.055.235.000	10.055.235.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (8)	2.347.560.000	2.347.560.000	2.347.560.000	2.347.560.000	2.347.560.000	2.347.560.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (9)	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000	3.938.780.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (10)	66.859.915.008	66.859.915.008	66.859.915.008	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (11)	24.849.608.570	24.849.608.570	24.849.608.570	3.768.895.000	3.768.895.000	3.768.895.000
b) Vay dài hạn	108.028.207.854	108.028.207.854	29.303.727.404	160.846.022.807	239.570.503.257	239.570.503.257
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (8)	2.347.560.000	2.347.560.000	-	2.347.560.000	4.695.120.000	4.695.120.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (9)	30.617.822.144	30.617.822.144	15.214.929.164	7.705.690.020	23.108.583.000	23.108.583.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (10)	-	-	-	129.568.059.217	129.568.059.217	129.568.059.217
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (11)	74.548.825.710	74.548.825.710	14.088.798.240	21.080.713.570	81.540.741.040	81.540.741.040
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (12)	514.000.000	514.000.000	-	144.000.000	658.000.000	658.000.000
	612.745.255.194	612.745.255.194	911.832.996.084	812.624.388.333	513.536.647.443	513.536.647.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VAY VÀ CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

a, Vay ngắn hạn

Các khoản vay của Tổng Công ty

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ký ngày 28/7/2016. Theo đó: Hạn mức tín dụng được cấp tối đa là 1.500.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 28/7/2016. Mục đích: Vay vốn phục vụ việc thi công các công trình theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Lãi suất: 8%/năm, phương thức trả lãi: định kỳ 3 tháng 1 lần. Bảo lãnh tiền vay: một phần có đảm bảo bằng tài sản, 1 phần không có đảm bảo, hình thức đảm bảo: thế chấp tài sản, tổng giá trị tài sản thế chấp: 1.649.000.000 đồng, phạm vi đảm bảo: 824.500.000 đồng.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 01/93409/2016/HĐTD ngày 31/08/2016. Hạn mức cho vay: 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 31/08/2016. Lãi suất: Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: nguồn thu từ các dự án được tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng.

- Hợp đồng số 01/2016/93409/HĐTDHM ngày 12/09/2016. Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở Thư tín dụng (L/C). Thời hạn vay: từ ngày 12/09/2016 đến hết ngày 31/07/2017. Lãi suất: lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016261511/HĐTDHM ngày 28/01/2016 được ký kết giữa Công ty Thi công cơ giới 1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng chính với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng 28/1/2016. Lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng kỳ.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội: theo hợp đồng tín dụng số 1379.14.057.1396960.TD ngày 24/9/2014 được ký kết giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu CW3A - Dự án xây dựng cầu Vàm Cống. Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng là 320.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng; thời hạn cụ thể được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 651053/HDDHM2016 ngày 23/03/2016. Hạn mức cho vay: 300.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 23/03/2016. Mục đích vay: tài trợ cho các hoạt động xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VAY VÀ CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Vay ngắn hạn (tiếp)

- Hợp đồng tín dụng số 948735-2016/HĐHM/VPB-MCC1 ngày 23/3/2016 được ký kết giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính với mục đích bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu XL05: xây dựng cầu Sông Chanh thuộc dự án: đường nối Hạ Long với cầu Bạch Đằng. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng; thời hạn cụ thể được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần khách hàng nhận nợ. Lãi suất áp dụng, phương thức điều chỉnh lãi suất sẽ được ghi nhận cụ thể trong các Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan.

(5) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 01.1608/2016/HĐTDNH-PN/SHB.110222 ngày 16/08/2016. Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để thi công gói thầu xây lắp số 7 (Km52+000-Km65+000) thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam (đoạn Đà Nẵng – Quảng Ngãi). Thời hạn vay: 03 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất: 7,2% 1 năm. Tài sản đảm bảo: hợp đồng tiền gửi số 040315-4/HDTG/SHB HN-CIENCO1 do SHB Hà Nội phát hành ngày 04/03/2015.

- Hợp đồng số 02/2016/HDHM-PN/SHB-110222 ngày 25/08/2016. Hạn mức cho vay: 150.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 25/08/2016. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng kinh tế, hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty.

(7) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay giao động từ 10%/năm đến 11%/năm.

Các khoản vay của Công ty CP Cầu 12

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô theo Hợp đồng tín dụng số 151/2016/1091/HĐTD ngày 29/04/2016. Theo đó: Ngân hàng cho Công ty vay ngắn hạn phục vụ thi công công trình cầu Bạch Đằng, Quảng Ninh, hạn mức cho vay tối đa 285 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền vật tư, nhân công, chi phí máy và các chi phí khác phục vụ thi công gói thầu XL-02, thi công cầu dẫn bờ Quảng Ninh từ trụ T11 đến trụ T27, trạm thu phí, nhà điều hành thuộc dự án cầu Bạch Đằng, đường dẫn và nút giao cuối tuyến theo hình thức BOT. Thời hạn vay: tối đa 9 tháng với mỗi lần nhận vay. Lãi suất trong hạn: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và thể hiện trên bảng kê rút vốn. Tài sản đảm bảo: bao gồm tài sản thế chấp, cầm cố, các hợp đồng tiền gửi. Ngoài ra, bên vay còn cam kết dùng: số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế đã ký mà bên vay là người thụ hưởng; tài khoản, nguồn vốn thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp khác.

(3) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng số 26533.16.053.33552.TD ngày 23/06/2016. Theo đó: Hạn mức cấp tín dụng là 120 tỷ đồng. Thời hạn cấp tín dụng: từ ngày 23/06/2016 đến hết ngày 17/06/2017. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn vay: tối đa không quá 9 tháng và được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Lãi suất trong hạn: là lãi suất thả nổi, theo đó, lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể trên từng văn bản nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VAY VÀ CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Vay ngắn hạn (tiếp)

Các khoản vay của Công ty CP Cầu 12 (tiếp)

(3) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 420680/HĐHM2016 ngày 19/05/2016. Theo đó: Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay đảm bảo bằng tài sản đảm bảo tối đa là 30 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 19/05/2016. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn vay: không vượt quá 10 tháng và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng, phương thức điều chỉnh lãi suất sẽ được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ.

(4) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10/HDHM-PN/SHB.110211 ngày 16/12/2014 (SHB). Theo đó: hạn mức tín dụng là 350 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: cho vay bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh, phát hành các loại bảo lãnh trong nước. Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 16/12/2014 đến 16/12/2015). Thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ, thời hạn cho vay tối đa không quá 09 tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính lãi kỳ gần nhất, trả lãi 1 lần vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ số 02 (có gửi thông báo cho chủ đầu tư) của công trình bên A cho vay/bảo lãnh cho bên B. Hợp đồng trên đã hết hạn và đã có thông báo tái cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng.

(5) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT128-CAU12 ngày 22/12/2015. Theo đó: Hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 22/12/2015 đến hết ngày 15/12/2016. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất: Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay của Công ty CP Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1

(1) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3120-LAV 201600458 và 3120-LAV 201601874 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm, hạn mức tín dụng lần lượt là 8,5 tỷ đồng và 12,79 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án sản xuất kinh doanh năm 2016, 2017, thời hạn vay tùy thuộc thỏa thuận 2 bên nhưng không quá 12 tháng, được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 0115/HĐTC ngày 19/11/2015 và hợp đồng số 0116/HĐTC ngày 16/11/2016.

(7) Khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất phải trả từ 8% đến 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VAY VÀ CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Vay dài hạn

Các khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty

(8) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08/10/2013. Hạn mức cho vay: 3.033.000.000 đồng. Mục đích vay: mua 02 máy LuRung Sakai theo hợp đồng kinh tế số 0637/VTV-CC.CI ký ngày 01/07/2013 giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Thiết bị Giao thông Vận tải Vietraco. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 080113/SHB BT – CIENCO1 ngày 08/01/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14/11/2013. Hạn mức cho vay: 8.704.800.000 đồng. Mục đích vay: mua 06 máy lu rung model CA250D hãng DYNAPAC sản xuất theo hợp đồng kinh tế số 0812/HĐKT ngày 28/08/2013 cùng phụ lục hợp đồng ngày 29/08/2013 ký giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại V-Long. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 06 máy lu rung một trống đảm nhận hiệu DYNAPAC model CA250D do Ấn Độ sản xuất.

(9) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 597.14.057.877888.TD ngày 26/06/2014. Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: là tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mới.
- Hợp đồng số 808.14.057.877888.TD ngày 22/08/2014. Hạn mức cho vay: 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: là tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc, thiết bị mới.
- Hợp đồng số 969.14.057.877888.TD ngày 26/09/2014. Hạn mức cho vay: 1.113.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy lu rung nhãn hiệu HAMM, model 3410 do Đức sản xuất, giá trị 1.590.000.000 đồng.
- Hợp đồng số 982.14.057.877888.TD ngày 29/09/2014. Hạn mức cho vay: 616.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 máy xúc lật nhãn hiệu KOMATSU, model WA 270-3 do Nhật Bản sản xuất, giá trị 880.000.000 đồng.
- Hợp đồng số 1015.14.057.877888.TD ngày 08/10/2014. Hạn mức cho vay: 1.330.000.000 đồng. Mục đích vay: phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: 01 lu rung 1 bánh sắt, 2 bánh lốp, 2 cầu chủ động nhãn hiệu SAKAI, model SV 620D do Nhật Bản sản xuất, giá trị 1.900.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VAY VÀ CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Vay dài hạn (tiếp)

Các khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty (tiếp)

(10) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 45.15.0114/HĐTD ngày 18/04/2015. Hạn mức cho vay 160.000.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án “Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía đông quận 9, Tp. Hồ Chí Minh” phần công việc được phân công của Tổng Công ty. Thời hạn vay: 42 tháng kể từ ngày 04/02/2015. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Nguồn thu từ dự án “Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía đông quận 9, Tp. Hồ Chí Minh”. Tổng giá trị tài sản đảm bảo 198.292.736.654 đồng.

(11) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số 12215/360/TDTH ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay: 120.000.000.000 đồng, mục đích vay: tài trợ vốn và phát hành bảo lãnh để thực hiện Gói thầu số 6 “Xây dựng cầu Hòa Trung” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, tỉnh Cà Mau”. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: quyền đòi nợ phát sinh theo hợp đồng số 175/2015/HĐTC ký ngày 03/08/2015 gói thầu số 6 “Xây dựng cầu Hòa Trung” thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Hòa Trung, tỉnh Cà Mau giữa Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh với Liên danh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty CP Cầu 12

(9) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng số 26534.16.053.33552.ID ngày 23/06/2016. Theo đó: Tổng số tiền cho vay là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: thanh toán chi phí mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất theo Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐQT ngày 02/04/2016. Thời hạn vay: tối đa 60 tháng. Thời hạn rút vốn vay: đến hết ngày 31/12/2016. Lãi suất trong hạn: được quy định tại văn bản nhận nợ. Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cầu 12.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty CP Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1

(11) Khoản vay trung dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201401375 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm ngày 14/11/2014, số gốc vay 719.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Mua xe ô tô Toyota Fortuner 2.7V, thời hạn vay 60 tháng, trả gốc định kỳ 12 tháng/lần vào ngày giải ngân hàng năm, mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1411/HĐTC ngày 17/11/2014.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.446.267.160	33.005.973.446
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.446.267.160	33.005.973.446
Dài hạn	18.583.686.784	32.725.905.469
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	18.583.686.784	32.725.905.469
	20.029.953.944	65.731.878.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2015	700.000.000.000	-	8.333.588.483	-	1.691.222.348	-	79.770.675.966	72.110.115.909	861.905.602.706	
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	76.754.787.227	11.939.253.682	88.694.040.909	
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	600.552.081	-	215.436.490	-	(1.572.257.030)	(640.117.999)	(1.396.386.458)	
- Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(760.500.000)	-	-	-	(760.500.000)	
- Giảm do Tổng Công ty thoái vốn	-	-	(3.717.969.853)	-	-	-	(3.503.214.496)	(24.410.828.094)	(31.632.012.443)	
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(4.038.928.000)	(74.038.928.000)	
- Tăng/giảm khác	-	100.519.210	8.030.884.701	-	1.029.206.693	-	(8.845.571.810)	(334.811.371)	(19.772.577)	
31/12/2015	700.000.000.000	100.519.210	13.247.055.412	-	2.175.365.531	-	72.604.419.857	54.624.684.127	842.752.044.137	
01/01/2016	700.000.000.000	100.519.210	13.247.055.412	-	2.175.365.531	-	72.604.419.857	54.624.684.127	842.752.044.137	
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	49.697.184.271	7.145.901.774	56.843.086.045	
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	9.494.395.082	-	321.822.054	-	(16.189.804.337)	(942.569.731)	(7.316.156.931)	
- Giảm do Tổng Công ty thoái vốn	-	-	(48.127.234)	-	-	-	48.127.234	(5.550.855.019)	(5.550.855.019)	
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(63.000.000.000)	(2.875.080.000)	(65.875.080.000)	
- Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	-	(68.520.002)	-	(68.520.002)	
31/12/2016	700.000.000.000	100.519.210	22.693.323.260	-	2.497.187.585	-	43.091.407.023	52.402.081.151	820.784.518.229	

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**

Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	Số vốn góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND	Tỷ lệ %
1 Công ty CP An Hiền	172.135.520.000	24,6%	-	0,0%
2 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	69.900.000.000	10,0%	69.900.000.000	10,0%
3 Công ty CP Đầu tư Cái Mép	117.676.940.000	16,8%	-	0,0%
4 Công ty CP Thương mại Nước giải khát Khánh An	49.000.000.000	7,0%	49.000.000.000	7,0%
5 Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	200.035.340.000	28,6%	200.035.340.000	28,6%
6 Công ty CP Kỹ thuật Nền móng & Công trình ngầm Fecon	-	0,0%	70.000.000.000	10,0%
8 Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	0,0%	172.135.520.000	24,6%
9 Công ty CP Hạ tầng Fecon	-	0,0%	47.676.940.000	6,8%
10 Cổ đông khác	91.252.200.000	13,0%	91.252.200.000	13,0%
	700.000.000.000	100%	700.000.000.000	100%

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	63.000.000.000	70.000.000.000

21.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2016 CP	01/01/2016 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	70.000.000	70.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu xây lắp	3.381.616.298.776	5.565.738.884.269
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.550.166.455	98.619.170.243
Doanh thu khác	56.392.127.137	124.579.370.566
	3.451.558.592.368	5.788.937.425.078
Doanh thu với các bên liên quan	140.771.695.003	247.483.866.894
<i>(Chi tiết kèm theo Thuyết minh số 34)</i>		

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	19.711.508.636	286.569.241
	19.711.508.636	286.569.241

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	3.184.807.729.148	5.235.532.413.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.150.812.242	69.846.242.562
Giá vốn khác	40.376.136.132	89.885.461.899
	3.227.334.677.522	5.395.264.118.120

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.813.067.125	17.890.564.459
Lãi bán các khoản đầu tư	19.007.507.607	22.502.299.129
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.412.289.488	2.936.740.000
Lãi chênh lệch tỷ giá (*)	71.863.529.303	28.188.200.214
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	16.367.902
	118.096.393.523	71.534.171.704

(*) Trong đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do Tổng Công ty và Liên danh GS - Han shin thống nhất lại tỷ giá hối đoái sử dụng để xuất hóa đơn cho một số hạng mục thi công công trình Vàm Cống và thông qua Biên bản điều chỉnh lại tỷ giá đã xuất hóa GTGT đơn giữa hai bên ngày 27/04/2016 với số tiền là 54,6 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	50.673.155.823	36.840.203.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.108.466.032	4.348.949.987
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	476.575.013	1.995.256.496
Lỗ do thoái vốn	597.995.417	-
Chi phí tài chính khác	58.985.687	3.806.231.358
	61.915.177.972	46.990.640.926

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	77.014.785.269	107.595.195.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.596.516.421	12.785.257.892
Các khoản chi phí dự phòng	9.044.909.922	16.254.223.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.840.052.337	89.091.005.542
	185.496.263.949	225.725.682.262

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.146.843.157.669	1.933.129.132.447
Chi phí nhân công	377.575.330.413	570.694.526.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.578.881.118	50.411.610.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.703.854.656.623	3.069.516.161.906
Chi phí khác	245.251.473.996	123.158.504.977
	3.511.103.499.819	5.746.909.936.070

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành của công trình	18.246.581.927	8.753.030.099
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.184.205.091	-
Thuế GTGT được xóa nợ	3.868.293.302	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	1.920.220.707	-
Thu nhập khác	14.279.695.714	8.728.930.195
	40.498.996.741	17.481.960.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chậm nộp BHXH, chậm nộp thuế	12.378.658.842	-
Thanh lý tài sản cố định	418.680.270	-
Chi phạt vi phạm hợp đồng	1.961.819.360	10.965.179.738
Các khoản chi phí khác	6.003.535.228	12.079.083.120
	20.762.693.700	23.044.262.858

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	49.697.184.271	76.754.787.227
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(4.392.411.449)	(5.408.121.041)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	647	1.019

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 đã được điều chỉnh lại do trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Tổng Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2015. Trong năm 2016, căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 0560/2016/BB-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 5.408.121.041 đồng. Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 được tính sau khi đã trừ đi quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ đã trích của năm 2015.

32. CAM KẾT VỀ GÓP VỐN

Tổng Công ty cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì với số tiền 53.000.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2016, Tổng Công ty đã góp vốn thực tế với tổng số tiền là 48.532.400.000 đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Tổng Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.23.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	325.685.433.561	311.945.632.907
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.205.000.000	23.818.679.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.209.443.660.250	1.951.182.310.774
Tài sản tài chính khác	-	271.351.121.438
Cộng	2.551.334.093.811	2.558.297.744.928
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	612.745.255.194	513.536.647.443
Phải trả người bán và phải trả khác	2.024.702.677.965	2.149.485.426.631
Chi phí phải trả	80.996.443.649	155.080.239.186
Cộng	2.718.444.376.808	2.818.102.313.260
Trạng thái ròng	(167.110.282.997)	(259.804.568.332)

Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lí rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP**Số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Vay và nợ	504.717.047.340	108.028.207.854	612.745.255.194
Phải trả người bán và phải trả khác	2.005.953.713.081	18.748.964.884	2.024.702.677.965
Chi phí phải trả	80.996.443.649	-	80.996.443.649
Cộng	2.591.667.204.070	126.777.172.738	2.718.444.376.808
01/01/2016			
Vay và nợ	273.966.144.186	239.570.503.257	513.536.647.443
Phải trả người bán và phải trả khác	2.130.478.283.742	19.007.142.889	2.149.485.426.631
Chi phí phải trả	155.080.239.186	-	155.080.239.186
Cộng	2.559.524.667.114	258.577.646.146	2.818.102.313.260

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	325.685.433.561	-	325.685.433.561
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.205.000.000	-	16.205.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.203.161.208.236	6.282.452.014	2.209.443.660.250
Cộng	2.545.051.641.797	6.282.452.014	2.551.334.093.811
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	-	311.945.632.907
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	-	23.818.679.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.950.616.979.074	565.331.700	1.951.182.310.774
Tài sản tài chính khác	-	271.351.121.438	271.351.121.438
Cộng	2.286.381.291.790	271.916.453.138	2.558.297.744.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tổng Công ty bị thiệt về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tổng Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng. Ban Tổng Giám đốc có đánh giá từng khách hàng để quy định điều khoản đặt cọc trong hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Tổng Công ty có phát sinh một số khoản công nợ tồn đọng. Đối với các khoản công nợ tồn đọng, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ trên cơ sở thận trọng theo các quy định hiện hành có liên quan.

Số dư với ngân hàng

Tổng Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP An Hiền	Cổ đông lớn
2	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	Cổ đông lớn
3	Công ty CP Đầu tư Cái Mép	Cổ đông lớn
3	Công ty CP Thương mại Nước giải khát Khánh An	Cổ đông lớn
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	Cổ đông lớn
5	Các Công ty liên kết (chi tiết tại Thuyết minh số 1.4 - Cấu trúc Doanh nghiệp)	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu với các bên liên quan	140.771.695.003	247.483.866.894
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	-	176.045.783.616
Công ty CP Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	61.657.864	544.024.246
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	401.241.818	8.107.439.091
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	47.030.132.791	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	-	440.996.603
Công ty CP Đầu tư và xây dựng 125	-	65.400.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	6.572.465.855
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	-	1.838.821.639
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	93.278.662.530	53.868.935.844
Mua hàng từ các bên liên quan	10.097.506.416	114.396.027.547
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 125	-	15.650.987.242
Công ty CP Xây dựng Công trình 1	12.482.774.483	23.128.377.228
Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	(2.285.498.000)	30.728.078.133
Công ty CP Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	(449.046.494)	6.453.322.288
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	-	1.750.514.535
Công ty CP Xây dựng Giao thông & Thương mại 124	(34.410.079)	430.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	36.254.748.121
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	(280.818.182)	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	664.504.688	-
Góp vốn đầu tư	33.000.000.000	12.419.800.000
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	3.000.000.000	6.644.800.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	30.000.000.000	5.775.000.000
Thu nhập từ cổ tức	155.400.000	831.740.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt Nam	155.400.000	129.500.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	-	296.240.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1	-	406.000.000
Chia cổ tức	29.880.950.000	50.445.000.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)	6.291.000.000	3.550.000.000
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	1.176.769.400	-
Công ty CP Thương mại Nước giải khát Khánh An	4.410.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	18.003.180.600	24.903.534.000
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	13.753.552.000
Công ty CP Hạ tầng Fecon	-	4.737.914.000
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng & Công trình ngầm Fecon	-	3.500.000.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc	4.110.768.270	3.877.990.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	44.803.033.558	19.979.429.094
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	29.984.047.464	-
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	12.078.723.448	12.078.723.448
Công ty CP Xi măng Mai Sơn.	2.298.896.555	2.298.896.555
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	441.366.091	5.577.809.091
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	24.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước	14.986.604.932	79.667.957.954
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	14.986.604.932	73.739.898.723
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	5.928.059.231
Các khoản phải trả người bán	-	2.463.918.682
Công ty CP Kỹ thuật nền móng & Công trình ngầm Fecon	-	2.463.918.682
Trả trước người bán	12.509.691.690	21.996.012.932
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco1	-	1.297.813.223
Công ty CP Xi măng Mai Sơn.	12.509.691.690	13.307.691.690
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	-	7.390.508.019

35. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh tại ngày 31/12/2015 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 căn cứ vào Kết quả kiểm tra quyết toán thuế theo Quyết định số 29456/QĐ-CT-KTT3 ngày 19/05/2015 và Quyết định số 38658/QĐ-CT-KTT3 ngày 10/06/2016 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Chi tiết ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số Báo cáo	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán 2016		31/12/2015	31/12/2015	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	571.071.052.198	571.166.952.198	(95.900.000)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	204.580.727.842	198.346.207.635	6.234.520.207
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14.266.982.797	14.920.824.519	(653.841.722)
Phải trả ngắn hạn khác	319	308.762.386.142	313.096.086.865	(4.333.700.723)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.744.846.012	4.895.923.774	(1.151.077.762)
Tổng ảnh hưởng đến tài sản/nguồn vốn				-

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán, một số số liệu trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016 được điều chỉnh hồi tố như thuyết minh số 35 nêu trên.



Đinh Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập

